

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ

**ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ BỔ SUNG
CÓ MỤC TIÊU THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN CỦA KIỂM
TOÁN NHÀ NƯỚC**

Chủ nhiệm : Ths. Nguyễn Đình Tuấn

Đồng chủ nhiệm: CN. Lê Dương

Thư ký: Ths. Trần Việt Dũng

Hà Nội, năm 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	1
MỞ ĐẦU.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu của Đề tài.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:	3
4. Phương pháp nghiên cứu:	3
5. Kết cấu đề tài:	3
CHƯƠNG 1 NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VÀ THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGUỒN KINH PHÍ BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC.....	5
1.1. Tổng quan về kinh phí bổ sung có mục tiêu.....	5
1.1.1. Khái niệm về kinh phí bổ sung có mục tiêu.....	5
1.1.2. Quản lý nhà nước về kinh phí bổ sung có mục tiêu.....	7
1.1.3. Hệ thống pháp luật, quy định, hướng dẫn về sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu.....	10
1.2. Kiểm toán việc quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu.....	11
1.2.1. Chức năng và nhiệm vụ của KTNN trong việc quản lý, sử dụng kinh phí có mục tiêu	11
1.2.2. Mục tiêu, nội dung, phạm vi và phương pháp kiểm toán kinh phí bổ sung có mục tiêu.....	12
1.2.3. Các cuộc kiểm toán về kinh phí bổ sung có mục tiêu của KTNN .	12
1.3. Thực trạng chung về công tác quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu thông qua hoạt động kiểm toán.....	13
1.3.1. Công tác lập, xây dựng dự toán nhu cầu kinh phí bổ sung có mục tiêu	13
1.3.2. Tiếp nhận kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương, phân bổ, giao dự toán và thực hiện cấp phát, thanh toán kinh phí bổ sung có mục tiêu	19
1.3.3. Việc quyết toán nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu.....	30
1.4 Những tồn tại, hạn chế và kết quả đạt được của công tác quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu thông qua hoạt động kiểm toán.....	31
1.4.1 Các kết quả đạt được của việc sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu	31

1.4.2 Những tồn tại, sai sót của việc sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu	41
1.4.3 Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế	58
CHƯƠNG 2 NHỮNG GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC.....	62
2.1 Giải pháp trong việc nâng cao chất lượng xây dựng dự toán và phân bổ nguồn kinh phí	62
2.2 Giải pháp khắc phục trong việc phân bổ chậm, chưa phân bổ, giao ngay từ đầu năm, phân bổ sai nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu	64
2.3 Giải pháp đối với việc quyết toán không hết nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu phân bổ từ đầu năm.....	71
2.4 Các giải pháp khác nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu.....	73
2.4.1 Nâng cao năng lực, chất lượng của hoạt động kiểm toán đối với việc quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu.....	73
2.4.2 Tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong công tác sử dụng ngân sách..	74
2.4.3. Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, nâng cao vai trò giám sát của các tổ chức, đoàn thể quần chúng và nhân dân	75
2.4.4 Đối với đơn vị quản lý cấp trên.....	76
KẾT LUẬN	78

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Nguyên nghĩa
1	KTNN	Kiểm toán nhà nước
2	NSNN	Ngân sách nhà nước
3	NSTW	Ngân sách trung ương
4	NSDP	Ngân sách địa phương
5	ĐTPT	Đầu tư phát triển
6	HĐND	Hội đồng nhân dân
7	UBND	Ủy ban nhân dân
8	CTMTQG	Chương trình mục tiêu quốc gia
9	ĐBKK	Đặc biệt khó khăn
10	LĐTĐ&XH	Lao động thương binh và Xã hội
11	NTM	Nông thôn mới
12	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
13	BCKT	Báo cáo kiểm toán
14	KHV	Kế hoạch vốn
15	HTX	Hợp tác xã
16	NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
17	TĐMT	Tổng mức đầu tư
18	KH&ĐT	Khoa học và đầu tư
19	XDCB	Xây dựng cơ bản
20	MTTQVN	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết nghiên cứu Đề tài

Tại các địa bàn có điều kiện khó khăn như nơi biên giới, vùng hải đảo, nơi có tỷ lệ người dân tộc thiểu số cao, tăng trưởng kinh tế thấp và nhiều địa bàn thuộc các huyện, xã khó khăn, đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ. Để tạo điều kiện phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao đời sống người dân tại các vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn Nhà nước đã ban hành và đã triển khai nhiều chính sách khác nhau, quá trình thực hiện các chính sách cụ thể chủ yếu bằng nguồn kinh phí hỗ trợ từ trung ương và một phần nhỏ từ ngân sách cấp tỉnh thông qua hình thức bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới. Việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu được thực hiện theo các quy định trong từng giai đoạn và theo các chính sách khác nhau. Phần lớn các tỉnh này có quy mô thu, chi ngân sách nhỏ phải nhận trợ cấp cân đối từ ngân sách trung ương và hàng năm các tỉnh này đều nhận nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu để thực hiện nhiều chính sách áp dụng tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn với tỉ lệ từ 20% đến 25% số bổ sung cân đối, bên cạnh đó, tùy theo khả năng các tỉnh khi xây dựng dự toán cũng dành kinh phí để bổ sung có mục tiêu cho các huyện, xã để thực hiện các chính sách của Tỉnh.

Quá trình kiểm toán trong những năm qua KTNN cũng đã xác định đây là một nội dung trọng yếu của các cuộc kiểm toán và tại Công văn số 37/KHKT-TH ngày 13/01/2023 của Kiểm toán nhà nước về hướng dẫn mục tiêu, trọng yếu và nội dung kiểm toán chủ yếu năm 2023 một trong những nội dung trọng yếu kiểm toán về chi thường xuyên là “Đánh giá việc quản lý và sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu”. Hằng năm, KTNN đã thực hiện các cuộc kiểm toán chuyên đề đối với chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác tại các địa phương. Kết quả kiểm toán của KTNN trong những năm qua đã phát hiện và chỉ ra nhiều hạn chế, bất cập và sai phạm trong công tác quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu. Từ kết

quả kiểm toán, bên cạnh việc đưa ra những kết luận, kiến nghị về chấn chỉnh, xử lý sai phạm, tăng thu ngân sách, KTNN cũng đã bước đầu đưa ra được những đánh giá công tác quản lý, sử dụng và đưa ra những kiến nghị quan trọng, có chất lượng về sửa đổi cơ chế chính sách sử dụng nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu.

Từ thực tế trên, việc nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn, thông qua việc phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa những kết quả kiểm toán từ các cuộc kiểm toán chuyên đề về kinh phí bổ sung có mục tiêu là một nhu cầu thật sự cần thiết, góp phần là căn cứ quan trọng để Đảng và nhà nước xây dựng dựng và ban hành, sửa đổi các cơ chế chính sách phù hợp với thực tiễn và quản lý, sử dụng nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu một cách có hiệu quả hơn nhằm nâng cao đời sống người dân tại các vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.

Vì những lẽ đó, đề tài **“Đánh giá công tác quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu thông qua hoạt động kiểm toán của Kiểm toán nhà nước”** có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn.

2. Mục tiêu nghiên cứu của Đề tài

Đề tài có các mục tiêu nghiên cứu sau:

- Nghiên cứu tổng quát các chính sách của trung ương và địa phương, các quy định về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu từ trung ương cho tỉnh và từ tỉnh xuống các huyện, quy trình kiểm toán chương trình mục tiêu quốc gia của KTNN.

- Nghiên cứu những vấn đề chung của công tác quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu thông qua hoạt động kiểm toán của KTNN.

- Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu để thực hiện các chính sách của Nhà nước.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

- Đối tượng nghiên cứu: việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu thông qua hoạt động kiểm toán của KTNN.

- Phạm vi nghiên cứu: Việc quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu để thực hiện các chính sách của Nhà nước giai đoạn 2017-2021, tại các cuộc kiểm toán đã thực hiện trong giai đoạn 2017-2021 của KTNN khu vực VII.

4. Phương pháp nghiên cứu:

Đề tài được nghiên cứu trên nền tảng cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và các phương pháp cụ thể khác như sau:

- Phương pháp phân tích, so sánh, đối chiếu được vận dụng khi nghiên cứu về các văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước, các cơ chế, chính sách của nhà nước về các chương chính sách của nhà nước; quy định, hướng dẫn về sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu.

- Phương pháp phân tích tổng kết kinh nghiệm kết hợp với phương pháp thu thập số liệu, hệ thống hóa để nghiên cứu tổng hợp các kết quả kiểm toán của KTNN Khu vực VII về sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu.

- Phương pháp phân tích và tổng hợp lý kết quả để đề xuất các giải pháp nhằm thực hiện các cuộc kiểm toán đánh giá hiệu quả việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu để thực hiện các chính sách của Nhà nước.

5. Kết cấu đề tài:

Bao gồm các phần như sau

- Phần mở đầu: Trình bày tính cấp thiết nghiên cứu đề tài, mục tiêu, nội dung, đối tượng, phạm vi nghiên cứu.

- Chương I: Những quy định chung và thực trạng của công tác quản lý, sử dụng nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu thông qua hoạt động kiểm toán của KTNN

- Chương II: Những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu thông qua hoạt động kiểm toán.

Nội dung của Chương này cũng hệ thống hóa và phân tích cụ thể các kết quả kiểm toán của KTNN về công tác quản lý, sử dụng nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu để từ đó, phân tích, tổng hợp rút ra được những tồn tại, hạn chế trực tiếp và gián tiếp thông qua kết quả kiểm toán của KTNN.

- Kết luận: Trình bày những vấn đề đút kết ngắn gọn nhất của kết quả nghiên cứu.

CHƯƠNG 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VÀ THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGUỒN KINH PHÍ BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

1.1. Tổng quan về kinh phí bổ sung có mục tiêu

1.1.1. Khái niệm về kinh phí bổ sung có mục tiêu

Theo khoản 21 điều 4 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 số bổ sung có mục tiêu là khoản ngân sách cấp trên bổ sung cho ngân sách cấp dưới để hỗ trợ thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ cụ thể.

Theo điểm c khoản 7 điều 9 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, trong thời kỳ ổn định ngân sách: Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được xác định theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách; khả năng của ngân sách cấp trên và khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương cấp dưới.

Tại điểm đ khoản 1 điều 50 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, yêu cầu và thời hạn về phân bổ và giao dự toán đối với phân bổ các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới phải bảo đảm đúng mục tiêu, đúng đối tượng và thực hiện đúng các cam kết hoặc quy định về bố trí ngân sách địa phương cho mục tiêu đó.

Căn cứ khoản 3 điều 19 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016, kinh phí bổ sung có mục tiêu được sử dụng nhằm hỗ trợ ngân sách cấp dưới:

- Thực hiện các chính sách, chế độ mới do cấp trên ban hành, nhưng chưa được bố trí hoặc bố trí chưa đủ trong dự toán ngân sách của năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách; mức hỗ trợ cụ thể được xác định trên cơ sở nhu

cầu chi theo chế độ, chính sách và khả năng cân đối của ngân sách các cấp có liên quan;

- Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác của cấp trên, phân giao cho cấp dưới thực hiện; mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo dự toán chi được cấp có thẩm quyền giao;

- Khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng, sau khi ngân sách cấp dưới đã sử dụng dự phòng ngân sách, quỹ dự trữ tài chính theo quy định nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu;

- Hỗ trợ thực hiện một số chương trình, dự án lớn, đặc biệt quan trọng có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Mức hỗ trợ được xác định cụ thể cho từng chương trình, dự án. Tổng mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển hằng năm của ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương quy định tại điểm này tối đa không vượt quá 30% tổng chi đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách trung ương.

Căn cứ khoản 3 điều 64 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 Các khoản dự toán chi, bao gồm cả các khoản bổ sung trong năm, đến hết năm ngân sách, kể cả thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách theo quy định tại khoản 2 Điều này chưa thực hiện được hoặc chưa chi hết phải hủy bỏ, trừ một số khoản chi được chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện và hạch toán quyết toán vào ngân sách năm sau.

Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được xác định hàng năm. Việc sử dụng vốn, kinh phí bổ sung có mục tiêu phải theo đúng mục tiêu quy định. Trường hợp ngân sách cấp dưới sử dụng không đúng mục tiêu hoặc sử dụng không hết, phải hoàn trả ngân sách cấp trên (theo điểm đ khoản 2 điều 9 thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016).

1.1.2. Quản lý nhà nước về kinh phí bổ sung có mục tiêu

1.1.2.1. Cấp trung ương

Một trong những nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội là Quyết định Mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng địa phương, bao gồm bổ sung cân đối ngân sách và bổ sung có mục tiêu (theo điểm c khoản 5 điều 19 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13).

Theo khoản 9 điều 36 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương là một trong những nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương.

* Đối với chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020 quản lý cấp trung ương được phân cấp cụ thể cho từng dự án và tiểu dự án tại điểm 6 điều 1 Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ Tướng chính phủ.

* Đối với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình hàng năm và giai đoạn 5 năm trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Chủ trì xây dựng kế hoạch vốn, phân bổ vốn ngân sách Trung ương; xây dựng phương án giao chỉ tiêu phân bổ, nhiệm vụ cụ thể hàng năm; xây dựng hướng dẫn các Bộ, ngành có liên quan và các địa phương thực hiện hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2016- 2020 và kế hoạch hàng năm sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để hoàn thành các mục tiêu của Chương trình; xây dựng hệ thống đánh giá giám sát Chương trình và hướng dẫn các cơ quan thực hiện Chương trình quy trình đánh giá,

giám sát Chương trình, hoàn thiện và vận hành hệ thống thông tin quản lý ngân sách của Chương trình.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư Thực hiện chức năng cơ quan tổng hợp Chương trình; Thẩm định và tổng hợp dự kiến phân bổ kinh phí, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện Chương trình; Chủ trì đề xuất phương án tiếp tục cân đối ngân sách Trung ương.

Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch hàng năm, tổng hợp kinh phí chi sự nghiệp để đảm bảo hoạt động của Chương trình; Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí vốn cho Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hàng năm trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; Chủ trì xây dựng quy định về cơ chế tài chính, thanh quyết toán các nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình; Chủ trì thẩm định cơ chế vận hành và quản lý Quỹ xây dựng nông thôn mới các cấp, do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, trình Thủ tướng phê duyệt.

* Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Trong năm 2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 về phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030. Tuy nhiên, do Quyết định được ban hành cuối năm và triển khai thực hiện từ năm 2022 nên trong năm 2021 chưa được cấp kinh phí và thực hiện đối với chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

1.1.2.2. Cấp địa phương

Kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương được quy định là nguồn thu của ngân sách địa phương (theo khoản 3 điều 37 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13).

Hội đồng nhân dân các cấp quyết định mức bổ sung có mục tiêu cho ngân sách từng địa phương cấp dưới trực tiếp (theo điểm c khoản 2 điều 30 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13).

Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới được xem là nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương (theo khoản 6 điều 38 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13).

* Đối với chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020 quản lý cấp địa phương được phân cấp cụ thể cho từng dự án và tiểu dự án tại điểm 6 điều 1 Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ Tướng chính phủ.

* Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình trong giai đoạn 5 năm và hằng năm bao gồm các nội dung: kế hoạch về nguồn vốn, mục tiêu, nhiệm vụ gửi Cơ quan chủ trì (Văn phòng điều phối nông thôn mới); Tổ chức triển khai; giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh; Phân công, phân cấp trách nhiệm của từng cấp và các ban, ngành trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở; Ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn tổ chức triển khai Chương trình trên địa bàn tỉnh; Kiện toàn Ban Chỉ đạo và bộ máy tham mưu, giúp việc các cấp thống nhất, đồng bộ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ đạo rà soát và điều phối kế hoạch xây dựng nông thôn mới cấp huyện trên địa bàn để phù hợp với kế hoạch xây dựng nông thôn mới chung của tỉnh.

1.1.3. Hệ thống pháp luật, quy định, hướng dẫn về sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu

Kinh phí bổ sung có mục tiêu được quy định tại Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, được hướng dẫn tại Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 và Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính. Hằng năm, Bộ Tài chính ban hành các Thông tư cụ thể để hướng dẫn tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước trong hướng dẫn cụ thể về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và phân bổ, giao dự toán ngân sách nhà nước việc tổ chức quản lý, điều hành ngân sách nhà nước hàng năm. Cụ thể từ năm 2017 đến 2021 như sau:

- Năm 2017: Thông tư 326/2016/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2017.

- Năm 2018: Thông tư 132/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018.

- Năm 2019: Thông tư 119/2018/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

- Năm 2020: Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

- Năm 2021: Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

Hình thức rút dự toán từ Kho bạc Nhà nước được quy định tại điều 18 Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính như sau:

Căn cứ chế độ, tiến độ, khối lượng thực hiện của từng chương trình, dự án, nhiệm vụ và mức tạm ứng theo quy định, Sở Tài chính thực hiện rút dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, mức rút tối đa bằng dự toán giao cho từng chương trình, dự án, nhiệm vụ. Trường hợp rút dự toán nhưng sử dụng không đúng mục tiêu hoặc không sử dụng hết, thì phải hoàn trả ngân sách trung ương trong phạm vi tối đa 30 ngày kể từ ngày rút dự toán.

Đối với bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới ở địa phương, Ủy ban nhân dân cấp trên quy định việc rút dự toán của ngân sách cấp dưới phù hợp với thực tế ở địa phương và bảo đảm đúng mục tiêu theo quy định.

Định kỳ, chậm nhất vào ngày 15 tháng sau, Kho bạc Nhà nước tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp tình hình thực hiện rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách, chi bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới của tháng trước.

Trường hợp phát hiện việc rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu của cơ quan tài chính không đúng quy định, Kho bạc Nhà nước có văn bản thông báo cho cơ quan tài chính biết, đồng thời tạm dừng việc rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách, chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

1.2. Kiểm toán việc quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu

1.2.1. Chức năng và nhiệm vụ của KTNN trong việc quản lý, sử dụng kinh phí có mục tiêu

Theo quy định của pháp luật không quy định cụ thể chức năng và nhiệm vụ của KTNN trong việc quản lý, sử dụng kinh phí có mục tiêu. Tuy nhiên chức năng và nhiệm vụ của KTNN trong luật Kiểm toán nhà nước là “Kiểm toán nhà nước có chức năng đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị

đối với việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công”, kinh phí bổ sung có mục tiêu cũng là tài chính công theo quy định của Luật kiểm toán nhà nước vì vậy có thể nói chức năng của kiểm toán nhà nước trong việc quản lý, sử dụng kinh phí có mục tiêu là đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị đối với việc quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu.

1.2.2. Mục tiêu, nội dung, phạm vi và phương pháp kiểm toán kinh phí bổ sung có mục tiêu.

Trong giai đoạn từ năm 2016 – 2021, KTNN khu vực VII không thực hiện các cuộc kiểm toán chuyên đề dành riêng cho nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu, các nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu sẽ được kiểm toán trong các cuộc kiểm toán Ngân sách địa phương hàng năm với nội dung kiểm toán chủ yếu là Kiểm toán việc quản lý, sử dụng các khoản thu, chi ngân sách, tiền và tài sản nhà nước; việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ quản lý tài chính, kế toán và chế độ đầu tư xây dựng của Nhà nước. Trong giai đoạn từ năm 2016 – 2021, KTNN khu vực VII đã thực hiện 20 cuộc kiểm toán ngân sách địa phương, qua đó đã phát hiện nhiều tồn tại trong việc quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu và có các kiến nghị tương ứng. Bên cạnh đó, hàng năm và khi kết thúc giai đoạn thực hiện các chương trình MTQG, KTNN cũng đã thực hiện các cuộc kiểm toán chuyên đề cho 02 chương trình MTQG.

1.2.3. Các cuộc kiểm toán về kinh phí bổ sung có mục tiêu của KTNN

Hàng năm KTNN tổ chức các cuộc kiểm toán chuyên đề về các chương trình mục tiêu quốc gia, tuy nhiên KTNN chưa thực hiện riêng các chuyên đề về kiểm toán kinh phí bổ sung có mục tiêu mà được lồng ghép vào các cuộc kiểm toán ngân sách địa phương.

1.3. Thực trạng chung về công tác quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu thông qua hoạt động kiểm toán

Việc quản lý và sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu cũng được thực hiện theo chu trình NSNN bao gồm các bước: Lập và phê chuẩn dự toán Ngân sách nhà nước; Thực hiện dự toán Ngân sách nhà nước; Quyết toán ngân sách nhà nước.

Nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu bao gồm kinh phí bổ sung có mục tiêu từ Ngân sách Trung ương cấp bổ sung cho ngân sách địa phương để thực hiện các chương trình, dự án, chương trình mục tiêu quốc gia, nhiệm vụ cụ thể... Ngoài ra, ngân sách cấp tỉnh có thể cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể, chương trình, dự án,.. của ngân sách cấp tỉnh.

1.3.1. Công tác lập, xây dựng dự toán nhu cầu kinh phí bổ sung có mục tiêu

1.3.1.1 Dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương

Hằng năm căn cứ vào các nhiệm vụ, tình hình thực tế và tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm trước và các Nghị quyết của Quốc hội về chương trình Mục tiêu quốc gia, chương trình Mục tiêu, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ĐTPT và Kế hoạch đầu tư công theo giai đoạn. Chính phủ trình Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước năm sau, trong đó bao gồm dự toán về chi bổ sung có mục tiêu.

Kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương sẽ bao gồm: bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định và một số CTMT và bổ sung vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

Tổng dự toán kinh phí bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP tại 6 tỉnh trong giai đoạn từ năm 2017 đến 2021 là 60.496.029trđ. Trong đó cụ thể như sau:

Năm 2017: Tổng số dự toán bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP ở 6 tỉnh là 8.009.364 triệu đồng. Trong đó: Điện Biên 1.165.484trđ; Lai Châu 829.375trđ; Lào Cai 1.744.104trđ; Phú Thọ 1.545.044; Sơn La 1.510.241trđ; Yên Bái 1.215.116trđ.

Năm 2018: Tổng số dự toán bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP ở 6 tỉnh là 12.990.253trđ. Trong đó: Điện Biên 2.272.178trđ; Lai Châu 1.941.524trđ; Lào Cai 2.319.818trđ; Phú Thọ 2.158.828trđ; Sơn La 2.557.969trđ; Yên Bái 1.739.936trđ.

Năm 2019: Tổng số dự toán bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP ở 6 là 11.959.259trđ. Trong đó: Điện Biên 1.947.925trđ; Lai Châu 1.729.623trđ; Lào Cai 1.979.861trđ; Phú Thọ 1.705.901trđ; Sơn La 2.537.208trđ; Yên Bái 2.058.741trđ.

Năm 2020: Tổng số dự toán bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP ở 6 là 16.423.382trđ. Trong đó: Điện Biên 2.425.954trđ; Lai Châu 2.240.379; Lào Cai 3.100.302trđ; Phú Thọ 2.461.556trđ; Sơn La 3.417.487trđ; Yên Bái 2.777.704trđ.

Năm 2021: Tổng số dự toán bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP ở 6 là 11.296.530trđ; Trong đó: Điện Biên 2.143.730trđ; Lai Châu 1.313.509trđ; Lào Cai 1.777.950trđ; Phú Thọ 1.778.817trđ; Sơn La 2.326.489trđ; Yên Bái 1.773.276trđ.

1.3.1.2. Dự toán chi bổ sung có mục tiêu ngân sách ngân sách địa phương

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thu về thực hiện bổ sung có mục tiêu một phần cho ngân sách cấp dưới theo

quy định tại điểm d khoản 3 Điều 40 Luật ngân sách nhà nước để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng ở địa phương theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được xác định theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách; khả năng cân đối của ngân sách cấp trên và khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương cấp dưới, để hỗ trợ ngân sách cấp dưới

Trước ngày 01 tháng 6 hằng năm, Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm sau và thông báo số kiểm tra dự toán chi ngân sách thường xuyên chi tiết theo từng lĩnh vực năm sau của từng chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu đến từng bộ, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu để hướng dẫn các địa phương xây dựng dự toán về bổ sung có mục tiêu. Cụ thể như sau:

Năm 2017, Bộ Tài chính ban hành thông tư số 91/2016/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2016 để hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2017. Trong đó, dự toán chi bổ sung có mục tiêu được hướng dẫn như sau: đối với dự toán chi bổ sung có Mục tiêu vốn đầu tư từ NSTW cho NSDP được xây dựng căn cứ vào khả năng cân đối của NSDP, tình hình thực hiện dự toán đối với các Khoản được bổ sung có Mục tiêu từ NSTW cho NSDP năm 2016, căn cứ các chính sách, chế độ hiện hành, các chương trình, nhiệm vụ quan trọng thực hiện theo cơ chế bổ sung có Mục tiêu từ trung ương cho địa phương, căn cứ Nghị quyết của Quốc hội về chương trình Mục tiêu quốc gia, chương trình Mục tiêu, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ĐTPT và Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020, xây dựng dự toán số bổ sung có Mục tiêu từ NSTW.

Năm 2018, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 71/2017/TT-BTC ngày 13 tháng 7 năm 2017 để hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước

năm 2018 và kế hoạch Tài chính – Ngân sách nhà nước 03 năm 2018-2020. Xây dựng dự toán chi bổ sung có mục tiêu năm 2018 được hướng dẫn như sau: Các địa phương báo cáo chi tiết nhu cầu, việc sử dụng các nguồn lực của địa phương, kinh phí thừa, thiếu để thực hiện các chính sách mới, hoặc việc điều chỉnh tăng mức, mở rộng đối tượng thụ hưởng các chính sách hiện hành trong năm 2017 và nhu cầu năm 2018 theo quy định, để có cơ sở lập dự toán bổ sung có mục tiêu cho địa phương theo nguyên tắc quy định tại Quyết định 579/QĐ-TTg. Bên cạnh đó, Thông tư cũng yêu cầu các địa phương phải chú ý xác định nhu cầu bổ sung có mục tiêu từ NSTW đối với các chế độ, chính sách của Trung ương cho từng năm của giai đoạn 2018-2020 theo quy định tại Quyết định số 579/QĐ-TTg.

Năm 2019, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 54/2018/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2018 để hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và kế hoạch Tài chính - Ngân sách nhà nước 03 năm 2019 – 2021. Đánh giá tình hình thực hiện chi ĐTP 3 năm 2016 – 2018 nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu và hướng dẫn xây dựng dự toán chi bổ sung có mục tiêu năm 2019 như sau: Các địa phương báo cáo chi tiết nhu cầu, nguồn lực, kinh phí thừa, thiếu để thực hiện các chính sách mới, hoặc việc điều chỉnh tăng mức, mở rộng đối tượng thụ hưởng các chính sách hiện hành trong năm 2018 và nhu cầu năm 2019 theo quy định, để có cơ sở bố trí dự toán bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP theo nguyên tắc quy định tại Quyết định 579/QĐ-TTg. Bên cạnh đó, Thông tư cũng yêu cầu các địa phương phải chú ý xác định nhu cầu bổ sung có mục tiêu từ NSTW đối với các chế độ, chính sách của Trung ương cho từng năm của giai đoạn 2019 - 2021 theo quy định tại Quyết định số 579/QĐ-TTg.

Năm 2020, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 38/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 để hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, kế hoạch Tài chính - Ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022; kế hoạch

tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021-2025. Dự toán chi bổ sung có mục tiêu tại các địa phương được hướng dẫn như sau: Các địa phương báo cáo chi tiết nhu cầu, nguồn lực, kinh phí thừa, thiếu để thực hiện các chính sách mới, hoặc việc điều chỉnh tăng mức, mở rộng đối tượng thụ hưởng các chính sách hiện hành trong năm 2019 và nhu cầu năm 2020 theo quy định, để có cơ sở bố trí dự toán bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP theo nguyên tắc quy định tại Quyết định 579/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Năm 2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 71/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2020 để hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch Tài chính - Ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023. Do năm 2021 là năm bắt đầu của giai đoạn mới, vì vậy Thông tư hướng dẫn đánh giá tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm 2020 và 05 năm giai đoạn 2016-2020. Trong đó, chi bổ sung có mục tiêu được yêu cầu đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ chi ĐTPT của NSNN 05 năm giai đoạn 2016-2020, địa phương báo cáo cụ thể việc thực hiện dự toán chi ĐTPT năm 2020 nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW năm 2020 từ nguồn vốn trong nước, nguồn vốn ngoài nước (gồm cả nguồn vốn vay và vốn viện trợ không hoàn lại); Đánh giá việc giao, thực hiện, giải ngân chi ĐTPT nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho địa phương năm 2020 và 05 năm giai đoạn 2016-2020. Về xây dựng dự toán chi bổ sung có mục tiêu năm 2021, các địa phương báo cáo chi tiết nhu cầu, nguồn lực, kinh phí thừa, thiếu để thực hiện các chính sách an sinh xã hội hiện hành, các chính sách mới phát sinh trong năm 2020 và nhu cầu năm 2021 để có cơ sở bố trí dự toán bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP theo quy định của pháp luật, đồng thời đối với dự toán chi ĐTPT địa phương giải trình cụ thể dự toán chi ĐTPT năm 2021, chi tiết nguồn cân đối NSDP (gồm chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết, chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP (nếu có)), nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW từ nguồn vốn ngoài

nước (gồm cả nguồn vốn vay và vốn viện trợ không hoàn lại) và vốn trong nước; cho các nhiệm vụ đầu tư theo thứ tự ưu tiên quy định.

* Việc xây dựng dự toán chi bổ sung tại các tỉnh

Dựa theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, địa phương thực hiện lập dự toán của tỉnh, dự toán chi bổ sung có mục tiêu tại ngân sách địa phương năm sau được HĐND cấp tỉnh quyết định trong dự toán ngân sách địa phương hàng năm trước ngày 10 tháng 12. Số dự toán chi bổ sung có từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương cũng chính là nguồn thu của ngân sách địa phương được thể hiện tại mục thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

Tại dự toán giao đầu năm, HĐND cấp tỉnh sẽ quyết định số dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ nguồn bổ sung có mục tiêu tại dự toán chi ngân sách địa phương của tỉnh và sau đó thực hiện phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới đảm bảo đúng mục tiêu, quy định của pháp luật đối với từng chương trình, dự án và từng nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền giao. Số dự toán chi bổ sung có mục tiêu thường sẽ nhỏ hơn số thu bổ sung có mục tiêu từ Trung ương. (kèm phụ lục 01)

Tại dự toán giao đầu năm, tùy thuộc vào các chương trình, dự án, nhiệm vụ cụ thể của tỉnh, HĐND cấp tỉnh sẽ quyết định số dự toán chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện, số chi bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp tỉnh cũng là số thu bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp huyện. Trong năm khi phát sinh các nhiệm vụ chi cần thiết, ngân sách cấp trên có thể giao thêm kinh phí bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới

1.3.2. Tiếp nhận kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương, phân bổ, giao dự toán và thực hiện cấp phát, thanh toán kinh phí bổ sung có mục tiêu

Hằng năm theo Luật ngân sách nhà nước số 83 ngày 25/6/2015 và Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016, căn cứ vào các Nghị quyết của Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, Bộ Tài chính sẽ ban hành Thông tư quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước cho từng năm, quy định cụ thể về việc phân bổ, giao dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu và việc cấp phát, thanh toán kinh phí đối với dự toán bổ sung có mục tiêu¹.

a. Phân bổ, giao dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu

Giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2020 việc phân bổ, giao dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu được hướng dẫn như sau: Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020, Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và trên cơ sở dự toán chi thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình mục tiêu và một số nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ đã giao; các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

b. Thực hiện cấp phát, thanh toán kinh phí

¹ Năm 2017: Thông tư số 326/2016/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2016; Năm 2018: Thông tư số 132/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2017; Năm 2019: Thông tư số 119/2018/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2018; Năm 2020: Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2019; Năm 2021: Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2020.

** Năm 2017 theo Thông tư 326/2016/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính*

Trường hợp ngân sách địa phương đã được ứng trước dự toán bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư ngân sách từ ngân sách trung ương, cần phải thu hồi trong dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương trong năm, Bộ Tài chính thông báo cho Kho bạc Nhà nước trừ số ứng trước vào dự toán đầu năm đã giao cho địa phương; phần dự toán còn lại thực hiện rút dự toán theo quy định đối với các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương. Số đã ứng trước cho ngân sách địa phương được thu hồi như sau:

+ Đối với số ứng trước theo hình thức lệnh chi tiền thì việc thu hồi số ứng trước cũng được thực hiện bằng hình thức lệnh chi tiền từ ngân sách trung ương;

+ Đối với số ứng trước theo hình thức rút dự toán thì Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thực hiện điều chỉnh hạch toán từ ứng trước sang thực chi ngân sách trung ương và thực thu ngân sách địa phương cấp bổ sung từ ngân sách trung ương.

Trường hợp trong năm ngân sách cấp trên ứng trước dự toán bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư năm sau cho ngân sách cấp dưới, khi rút dự toán và chi từ nguồn ứng trước phải hạch toán thu, chi vào ngân sách năm sau theo quy định.

Đối với số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương:

- Mức rút dự toán và mẫu biểu rút dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương theo quy định riêng của Bộ Tài chính. Sở Tài chính tổng hợp nhu cầu rút dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương gửi Kho bạc nhà nước nơi giao

dịch để rút vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, đồng thời chịu trách nhiệm về việc rút dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương; trường hợp rút dự toán nhưng không sử dụng hết hoặc sử dụng không đúng mục tiêu thì phải hoàn trả ngân sách trung ương trong phạm vi tối đa 30 ngày. Việc thanh toán, chi trả cho các chủ đầu tư và cho các đối tượng thụ hưởng các chính sách, chế độ (kinh phí sự nghiệp) từ nguồn vốn ngân sách nhà nước được thực hiện theo các quy định hiện hành.

- Trường hợp bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán ngân sách (bao gồm cả việc cấp trước bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, ứng trước bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương) được thực hiện như sau:

+ Vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh hoặc nhiệm vụ đột xuất, cấp bách khác: căn cứ vào quyết định của cấp có thẩm quyền, Bộ Tài chính có văn bản thông báo bổ sung ngoài dự toán cho ngân sách địa phương. Căn cứ vào văn bản thông báo của Bộ Tài chính, Sở Tài chính thực hiện rút dự toán tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch.

Đối với khoản cấp trước số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm sau (bao gồm cả ứng trước bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương): Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền, Bộ Tài chính có văn bản thông báo Sở Tài chính thực hiện rút dự toán cấp trước (ứng trước) tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch. Sở Tài chính lập giấy rút dự toán cấp trước (ứng trước) dự toán năm sau theo quy định.

Đối với các khoản ngân sách trung ương tạm ứng cho ngân sách địa phương, khi rút dự toán các khoản tạm ứng thực hiện hạch toán tạm thu, tạm chi và thực hiện thu hồi theo quy định (hạch toán Điều chỉnh sang thực thu, thực chi trong trường hợp chuyển thành số bổ sung cho ngân sách địa phương hoặc giảm tạm thu ngân sách địa phương, giảm tạm chi của ngân sách trung ương trong trường hợp phải hoàn trả tạm ứng cho ngân sách trung ương).

Bên cạnh đó, thông tư hướng dẫn hằng năm của Bộ Tài chính còn hướng dẫn về mức rút dự toán, mẫu biểu rút dự toán, hướng dẫn với số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới ở địa phương và các trường hợp khác.

* Năm 2018 theo Thông tư số 132/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính

Trường hợp ngân sách địa phương đã được ứng trước dự toán bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư ngân sách từ ngân sách trung ương, cần phải thu hồi trong dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2018, Bộ Tài chính thông báo cho Kho bạc Nhà nước trừ số ứng trước vào dự toán đầu năm đã giao cho địa phương; phần dự toán còn lại thực hiện rút dự toán theo quy định đối với các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương. Số đã ứng trước cho ngân sách địa phương được thu hồi như sau:

- Đối với số ứng trước theo hình thức lệnh chi tiền thì việc thu hồi số ứng trước cũng được thực hiện bằng hình thức lệnh chi tiền từ ngân sách trung ương;

- Đối với số ứng trước theo hình thức rút dự toán thì Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thực hiện điều chỉnh hạch toán từ ứng trước sang thực chi ngân sách trung ương và thực thu ngân sách địa phương cấp bổ sung từ ngân sách trung ương.

Trường hợp trong năm ngân sách cấp trên ứng trước dự toán bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư năm sau cho ngân sách cấp dưới, khi rút dự toán và chi từ nguồn ứng trước phải hạch toán thu, chi vào ngân sách năm sau theo quy định.

Đối với số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương:

- Mức rút dự toán và mẫu biểu rút dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện theo quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính;

- Trường hợp bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán ngân sách (bao gồm cả việc ứng trước bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương) được thực hiện như sau:

- + Vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh hoặc nhiệm vụ đột xuất, cấp bách khác: căn cứ vào quyết định của cấp có thẩm quyền, Bộ Tài chính có văn bản thông báo bổ sung ngoài dự toán cho ngân sách địa phương. Căn cứ vào văn bản thông báo của Bộ Tài chính, Sở Tài chính thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

- + Đối với khoản ứng trước bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương: Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền, Bộ Tài chính có văn bản thông báo, Sở Tài chính thực hiện rút dự toán ứng trước tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch. Sở Tài chính lập giấy rút dự toán ứng trước dự toán năm sau theo quy định.

- + Đối với các khoản ngân sách trung ương ứng trước cho ngân sách địa phương, khi rút dự toán các khoản ứng trước thực hiện hạch toán tạm thu, tạm chi và thực hiện thu hồi theo quy định (hạch toán điều chỉnh sang thực thu,

thực chi trong trường hợp chuyển thành số bổ sung cho ngân sách địa phương hoặc giảm tạm thu ngân sách địa phương, giảm tạm chi của ngân sách trung ương trong trường hợp phải hoàn trả cho ngân sách trung ương).

* Năm 2019 theo Thông tư số 119/2018/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2018

Trường hợp ngân sách địa phương đã được ứng trước dự toán bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư ngân sách từ ngân sách trung ương, cần phải thu hồi trong dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2019, Bộ Tài chính thông báo cho Kho bạc Nhà nước trừ số ứng trước vào dự toán đầu năm đã giao cho địa phương; phần dự toán còn lại thực hiện rút dự toán theo quy định đối với các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương. Số đã ứng trước cho ngân sách địa phương được thu hồi như sau:

- Đối với số ứng trước theo hình thức lệnh chi tiền thì việc thu hồi số ứng trước cũng được thực hiện bằng hình thức lệnh chi tiền từ ngân sách trung ương;

- Đối với số ứng trước theo hình thức rút dự toán thì Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thực hiện điều chỉnh hạch toán từ ứng trước sang thực chi ngân sách trung ương và thực thu ngân sách địa phương cấp bổ sung từ ngân sách trung ương.

Trường hợp trong năm ngân sách cấp trên ứng trước dự toán bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư năm sau cho ngân sách cấp dưới, khi rút dự toán và chi từ nguồn ứng trước phải hạch toán thu, chi vào ngân sách năm sau theo quy định.

Đối với số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương:

- Mức rút dự toán và mẫu biểu rút dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện theo quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính;

- Trường hợp bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán ngân sách (bao gồm cả việc ứng trước bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương) được thực hiện như sau:

+ Thời gian phân bổ và giao dự toán được bổ sung phải hoàn thành chậm nhất 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được quyết định giao bổ sung dự toán) theo đúng quy định tại tiết b khoản 2 Điều 50 Luật ngân sách nhà nước.

+ Vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh hoặc nhiệm vụ đột xuất, cấp bách khác: căn cứ vào quyết định của cấp có thẩm quyền, Bộ Tài chính có văn bản thông báo bổ sung ngoài dự toán cho ngân sách địa phương. Căn cứ vào văn bản thông báo của Bộ Tài chính, Sở Tài chính thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

+ Đối với khoản ứng trước bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương: Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền, Bộ Tài chính có văn bản thông báo, Sở Tài chính thực hiện rút dự toán ứng trước tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch. Sở Tài chính lập giấy rút dự toán ứng trước dự toán năm sau theo quy định.

+ Đối với các khoản ngân sách trung ương ứng trước cho ngân sách địa phương, khi rút dự toán các khoản ứng trước thực hiện hạch toán tạm thu, tạm chi và thực hiện thu hồi theo quy định (hạch toán điều chỉnh sang thực thu, thực chi trong trường hợp chuyển thành số bổ sung cho ngân sách địa phương

hoặc giảm tạm thu ngân sách địa phương, giảm tạm chi của ngân sách trung ương trong trường hợp phải hoàn trả cho ngân sách trung ương).

* Năm 2020 theo Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài chính

Trường hợp ngân sách địa phương đã được ứng trước dự toán bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư từ ngân sách trung ương, cần phải thu hồi trong dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2020, Bộ Tài chính thông báo cho Kho bạc Nhà nước trừ số ứng trước vào dự toán đầu năm đã giao cho địa phương; phần dự toán còn lại thực hiện rút dự toán theo quy định đối với các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, số đã ứng trước cho ngân sách địa phương được thu hồi như sau:

- Đối với số ứng trước theo hình thức lệnh chi tiền thì việc thu hồi số ứng trước cũng được thực hiện bằng hình thức lệnh chi tiền từ ngân sách trung ương;

- Đối với số ứng trước theo hình thức rút dự toán thì Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thực hiện điều chỉnh hạch toán từ ứng trước sang thực chi ngân sách trung ương và thực thu ngân sách địa phương cấp bổ sung từ ngân sách trung ương.

Trường hợp trong năm ngân sách cấp trên ứng trước dự toán bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư năm sau cho ngân sách cấp dưới, khi rút dự toán và chi từ nguồn ứng trước phải hạch toán thu, chi vào ngân sách năm sau theo quy định.

Đối với số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương:

- Mức rút dự toán và mẫu biểu rút dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện theo quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính;

- Trường hợp bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán ngân sách (bao gồm cả việc ứng trước bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương) được thực hiện như sau:

+ Thời gian phân bổ và giao dự toán được bổ sung phải hoàn thành chậm nhất 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được quyết định giao bổ sung dự toán) theo đúng quy định tại tiết b khoản 2 Điều 50 Luật ngân sách nhà nước.

+ Vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc nhiệm vụ đột xuất, cấp bách khác: căn cứ vào quyết định của cấp có thẩm quyền, Bộ Tài chính có văn bản thông báo bổ sung ngoài dự toán cho ngân sách địa phương. Căn cứ vào văn bản thông báo của Bộ Tài chính, Sở Tài chính thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

+ Đối với khoản ứng trước bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương: Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền, Bộ Tài chính có văn bản thông báo, Sở Tài chính thực hiện rút dự toán ứng trước tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch. Sở Tài chính lập giấy rút dự toán ứng trước dự toán năm sau theo quy định.

+ Đối với các khoản ngân sách trung ương ứng trước cho ngân sách địa phương, khi rút dự toán các khoản ứng trước thực hiện hạch toán tạm thu, tạm chi và thực hiện thu hồi theo quy định (hạch toán điều chỉnh sang thực thu, thực chi trong trường hợp chuyển thành số bổ sung cho ngân sách địa phương

hoặc giảm tạm thu ngân sách địa phương, giảm tạm chi của ngân sách trung ương trong trường hợp phải hoàn trả cho ngân sách trung ương);

- Trường hợp số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương còn dư hoặc hết nhiệm vụ chi theo quy định của pháp luật, các địa phương kịp thời hoàn trả ngân sách trung ương theo quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước. Thời hạn hoàn trả trong phạm vi 30 ngày kể từ khi địa phương xác định kinh phí còn dư hoặc hết nhiệm vụ chi theo quy định của pháp luật.

* Năm 2021 theo Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính

Đối với số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương:

- Trường hợp bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán ngân sách được thực hiện như sau:

+ Thời gian phân bổ và giao dự toán được bổ sung phải hoàn thành chậm nhất 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được quyết định giao bổ sung dự toán) theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 50 Luật ngân sách nhà nước.

+ Vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc nhiệm vụ đột xuất, cấp bách khác: căn cứ vào quyết định của cấp có thẩm quyền, Bộ Tài chính có văn bản thông báo bổ sung ngoài dự toán cho

ngân sách địa phương. Căn cứ vào văn bản thông báo của Bộ Tài chính, Sở Tài chính thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

- Trường hợp số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương còn dư hoặc hết nhiệm vụ chi theo quy định của pháp luật, các địa phương kịp thời hoàn trả ngân sách trung ương theo quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước. Thời hạn hoàn trả trong phạm vi 30 ngày kể từ khi địa phương xác định kinh phí còn dư hoặc hết nhiệm vụ chi theo quy định của pháp luật. Trường hợp sau thời hạn trên, địa phương chưa hoàn trả ngân sách trung ương, Bộ Tài chính sẽ thực hiện trích tồn quỹ ngân sách cấp tỉnh để thu hồi theo quy định.

Đối với số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới ở địa phương:

- Mức rút số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới: Được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính;

- Mức rút số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới (bao gồm cả bổ sung có mục tiêu ngoài dự toán giao đầu năm): Được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính;

- Hạch toán các khoản bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới ở địa phương thực hiện như quy định đối với các khoản bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.

1.3.3. Việc quyết toán nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu.

Kết thúc năm ngân sách, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đến thu, chi ngân sách thực hiện khóa sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước theo các nội dung dự toán được giao và theo Mục lục ngân sách nhà nước, trong đó bao gồm cả kinh phí bổ sung có mục tiêu.

a. Quyết toán kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách cấp tỉnh.

Số quyết toán kinh phí bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP tại 6 tỉnh trong giai đoạn từ năm 2017 đến 2021 là 61.287.828 trđ, cụ thể như sau:

Năm 2017: Tổng số quyết toán kinh phí bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP tại 6 tỉnh là 15.718 trđ. Trong đó: Điện Biên 2.483 trđ; Lai Châu 1.703 trđ; Sơn La 4.229 trđ; Phú Thọ 2.773 trđ; Yên Bái 2.154 trđ; Lào Cai 2.377 trđ. *(kèm theo phụ lục 02)*

Năm 2018: Tổng số quyết toán kinh phí bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP tại 6 tỉnh là 15.676.388 trđ. Trong đó: Điện Biên 2.744.982 trđ; Lai Châu 2.262.042 trđ; Sơn La 3.130.622 trđ; Phú Thọ 2.477.970 trđ; Yên Bái 2.393.324 trđ; Lào Cai 2.667.448 trđ. *(kèm theo phụ lục 02)*

Năm 2019: Tổng số quyết toán kinh phí bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP tại 6 tỉnh là 15.334.089 trđ. Trong đó: Điện Biên 2.699.350 trđ; Lai Châu 1.915.990 trđ; Sơn La 4.018.339 trđ; Phú Thọ 2.024.529 trđ; Yên Bái 2.512.551 trđ; Lào Cai 2.163.330 trđ. *(kèm theo phụ lục 02)*

Năm 2020: Tổng số quyết toán kinh phí bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP tại 6 tỉnh là 18.270.611 trđ. Trong đó: Điện Biên 2.868.267 trđ; Lai Châu 2.475.893 trđ; Sơn La 3.807.076 trđ; Phú Thọ 3.087.518 trđ; Yên Bái 3.057.812 trđ; Lào Cai 2.974.045 trđ. *(kèm theo phụ lục 02)*

Năm 2021: Tổng số quyết toán kinh phí bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP tại 6 tỉnh là 11.991.022 trđ. Trong đó: Điện Biên 2.543.446 trđ;

Lai Châu 1.571.952 trđ; Sơn La 2.460.979 trđ; Phú Thọ 1.456.489 trđ; Yên Bái 2.063.911 trđ; Lào Cai 1.894.245 trđ.(kèm theo phụ lục 02)

1.4 Những tồn tại, hạn chế và kết quả đạt được của công tác quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu thông qua hoạt động kiểm toán

1.4.1 Các kết quả đạt được của việc sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu

* Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cấp cho ngân sách cấp dưới

Từ kết quả đạt được của các cuộc kiểm toán có thể thấy bổ sung vốn có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cấp cho ngân sách cấp dưới để hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định, một số chương trình mục tiêu và vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ đạt được một số kết quả như sau:

- Góp phần thực hiện kịp thời và hiệu quả các chính sách, chế độ mới do cấp trên ban hành nhưng chưa được bố trí hoặc bố trí chưa đủ trong dự toán ngân sách của năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

- Giúp cho ngân sách cấp trên có thể phân bổ và giao vốn cho ngân sách cấp dưới thực hiện các chương trình, dự án theo phân bổ của ngân sách cấp trên.

- Kịp thời khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh khi các nguồn ngân sách khác không đáp ứng được nhu cầu.

- Góp phần giúp cho các địa phương có thể triển khai các định hướng phát triển kinh tế - xã hội một cách nhanh chóng và kịp thời thông qua việc thực hiện một số chương trình, dự án lớn, đặc biệt quan trọng có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

* Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

Một số kết quả đạt được theo các mục tiêu của chương trình:

- Cấp trung ương: Đã thành lập Ban chỉ đạo trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020, trong đó Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban chỉ đạo, Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội làm Phó Trưởng ban và các thành viên là Lãnh đạo các Bộ, ngành liên quan; giúp việc cho Ban chỉ đạo là Văn phòng quốc gia về giảm nghèo trực thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Giai đoạn 2016-2020, cấp Trung ương đã ban hành hệ thống các văn bản quy định về quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện Chương trình nhằm đảm bảo tính khách quan và minh bạch như việc xây dựng các tiêu chí xác định đối tượng của Chương trình như hộ nghèo/hộ cận nghèo/hộ mới thoát nghèo và huyện nghèo, xã, thôn bản đặc biệt khó khăn; tiêu chí hộ thoát nghèo, huyện, xã, thôn bản thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn; xây dựng hệ thống chỉ tiêu theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình. Thống nhất cơ chế thực hiện giữa hai CTMTQG giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới về cơ chế quản lý và điều hành theo Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg, cơ chế lập kế hoạch đầu tư theo Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT, cơ chế đầu tư đặc thù theo Nghị định số 161/2016/NĐ-CP và Nghị định số 120/2018/NĐ-CP, cơ chế thanh quyết toán vốn đầu tư theo Thông tư số 349/2016/TT-BTC. Qui định lồng ghép nguồn lực thực hiện các công trình, dự án thuộc Chương trình (Quyết định số 1722/QĐ-TTg; Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg; Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg; Quyết định số 1865/QĐ-TTg; Thông tư số 15/2017/TT-BTC; Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT).

- Cấp tỉnh: Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó Lãnh đạo UBND tỉnh làm trưởng ban và các thành viên là Lãnh đạo các Sở, ngành liên quan; thường trực Ban chỉ đạo được đặt tại Sở Lao động Thương binh và Xã hội Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Văn phòng điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo. Ban hành nhiều nghị quyết, kế hoạch, đề án, cơ chế chính sách và các văn bản hướng dẫn thực hiện của địa phương để

thực hiện Chương trình. Xây dựng tiêu chí phân bổ vốn, bố trí vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình trung hạn và hàng năm cho các cấp địa phương; hướng dẫn cơ chế lồng ghép vốn, sử dụng nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Chương trình (Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính). Hướng dẫn lập kế hoạch thực hiện Chương trình có sự tham gia trên địa bàn cấp xã (Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT). Xây dựng định mức hỗ trợ sử dụng vốn sự nghiệp, trong đó có định mức hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo (Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính, UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh ban hành).

- Cấp huyện, thành phố: Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG huyện do Chủ tịch UBND cấp huyện hoặc Bí thư thành ủy/huyện ủy làm Trưởng Ban; xây dựng quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo; phân công các thành viên Ban Chỉ đạo phụ trách từng địa bàn;

- Cấp xã, phường, thị trấn: Thành lập Ban quản lý thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp xã, phường do Chủ tịch UBND xã làm Trưởng Ban; xây dựng quy chế hoạt động, phân giao nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, tổ chức đoàn thể phụ trách, giúp đỡ trực tiếp các hộ nghèo.

- Trong giai đoạn 2015-2017: tỷ lệ hộ nghèo bình quân cả nước giảm 1,59%/năm, vượt mục tiêu đề ra (giảm 1-1,5%/năm); tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo giảm 5,5%/năm, vượt mục tiêu đề ra (giảm 4%).

- Tỷ lệ giảm nghèo trung bình các tỉnh được kiểm toán là 3,56%. Trong đó, tỉnh Lào Cai, Cao Bằng có tỷ lệ giảm nghèo cao, đạt trên 140% kế hoạch; kết quả giảm nghèo dân tộc thiểu số đạt mục tiêu kế hoạch (*từ 3% - 4%/năm*).

- Trong giai đoạn 2015-2017 đã ghi nhận 981,5 nghìn lượt hộ thoát nghèo và 766,2 nghìn lượt hộ thoát cận nghèo trên cả nước; số hộ nghèo thiếu hụt đa chiều có xu hướng giảm mạnh hơn so với tổng số hộ nghèo chung.

- Theo báo cáo của các địa phương cho thấy, thu nhập bình quân chung của các địa phương được kiểm toán đều tăng so với năm 2015; Hầu hết các địa phương đạt 07 mục tiêu về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng;

- Nâng cao năng lực cán bộ xã: Mục tiêu của chương trình là đào tạo cho cán bộ cấp xã, qua kiểm toán cho thấy hầu hết các tỉnh đều đã thực hiện được mục tiêu đào tạo.

* Các kết quả đạt được cho từng dự án thành phần cụ thể như sau:

(1) Chương trình 30a

- Đối với tiểu dự án 1: số công trình được đầu tư là 1.090 công trình. Trong đó các xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo đã tiến hành đầu tư hơn 400 công trình khởi công mới và trả nợ cho các công trình chuyển tiếp từ năm 2016. Ngoài ra còn có hơn 500 công trình được duy tu bảo dưỡng hàng năm. Các công trình được ưu tiên đầu tư là giao thông nông thôn, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, kênh mương nội đồng...

- Đối với tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo: đã thực hiện được chính sách tạo đất sản xuất; Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế thực hiện theo dự án: đã triển khai hỗ trợ giống, vật tư, kỹ thuật... để chuyển đổi cây trồng, vật nuôi có năng suất và giá trị cao hơn; Hỗ trợ hoạt động chuyển giao khoa học, kỹ thuật và bố trí cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư thôn bản với số người nghèo tham gia;

- Đối với tiểu dự án 3: Hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài: Đã bố trí cho khoảng 1.600 lao động được hỗ trợ các chi phí tham gia đào tạo và làm các thủ tục để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, hơn 12 nghìn lượt cán bộ và tuyên truyền viên cơ sở làm công tác tư vấn được tập huấn nâng cao năng lực trong lĩnh vực đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và khoảng 16

nghìn lượt lao động được tư vấn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng hoặc tư vấn giới thiệu việc làm sau khi về nước

(2) Chương trình 135

- Đối với Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn, Các công trình được đầu tư tập trung vào các công trình giao thông, thủy lợi, nhà sinh hoạt cộng đồng, trường học, trạm y tế, nước sinh hoạt, công trình điện và công trình khác; các công trình được duy tu bảo dưỡng chủ yếu là các công trình nước sinh hoạt, trường lớp học, đường giao thông, kênh mương thủy lợi.

- Đối với Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn. Thực hiện 4.250 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất với 102.587 người tham gia; Nhân rộng 96 mô hình với số người tham gia là 2.822 người, kinh phí hỗ trợ là 20.016 trđ.

- Đối với Tiểu dự án 3: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; thôn bản đặc biệt khó khăn: Các tỉnh thực hiện Chương trình 135 đã tổ chức biên soạn và ban hành tài liệu phục vụ xây dựng khung đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở và cộng đồng;

(3) Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135: Đã hỗ trợ xây dựng, nhân rộng khoảng 200 mô hình phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên cả nước. Hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo góp phần tăng thu nhập của hộ nghèo từ 15-20%; bình quân có khoảng 15% hộ gia đình tham gia dự án thoát nghèo; 100% người nghèo tham gia mô hình được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về sản xuất kinh doanh, chuyển giao tiến

bộ kỹ thuật; nâng cao năng lực quản lý và tổ chức triển khai thực hiện dự án, bổ sung kiến thức công tác giảm nghèo cho đội ngũ cán bộ cơ sở.

(4) Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

Các Bộ, ngành, địa phương đã phối hợp với cơ quan Báo, Đài phát thanh, truyền hình bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú thực hiện biên soạn, in và phát hành các tin bài, phim tài liệu, tuyên truyền về chính sách, chương trình giảm nghèo, về các gương hộ nghèo làm kinh tế giỏi vươn lên thoát nghèo, các tổ chức, đoàn thể, cá nhân thực hiện tốt công tác an sinh xã hội và giảm nghèo.

(5) Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện
Chương trình: Tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp. Qua đó giúp cho đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là ở cơ sở có thêm kiến thức và kỹ năng tổ chức thực hiện chính sách, chương trình giảm nghèo; tổ chức 150 đoàn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chính sách, chương trình giảm nghèo ở địa phương, cơ sở. Trong 6 tháng đầu năm 2018, Bộ LĐTB&XH đã tổ chức 03 lớp tập huấn cho trên 400 cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp tỉnh, huyện về các chủ trương, chính sách mới về giảm nghèo, hướng dẫn đánh giá giữa kỳ Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020...

* Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Về công tác chỉ đạo, điều hành

- Chính phủ đã có văn bản hướng dẫn chỉ đạo về thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ về nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Ban hành Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Phê duyệt kế hoạch thực hiện “Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Căn cứ hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Trung ương của Chương trình (xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững), UBND các cấp (tỉnh, huyện, xã) đã hoàn thành công tác kiện toàn, thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình; hầu hết các thôn, bản, ấp đã có Ban phát triển thôn, 100% các tỉnh đã kiện toàn Văn phòng điều phối cấp tỉnh, nhiều đơn vị cấp huyện thành lập Văn phòng điều phối, bố trí cán bộ chuyên trách cấp xã.

- Các cơ sở được hỗ trợ kinh phí để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo và phương tiện vận chuyển phục vụ đào tạo nghề lưu động theo quy định. Ngoài ra, các địa phương tùy theo điều kiện, khả năng ngân sách địa phương, bố trí và huy động thêm các nguồn kinh phí hợp pháp khác để hỗ trợ đầu tư cho các cơ sở theo quy định.

- Ban hành quy định chỉ tiêu giám sát, đánh giá thực hiện Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020.

- Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn Bộ, ngành, địa phương mở rộng tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp; đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức vừa làm vừa học.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho lao động nông thôn, phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân... và báo cáo định kỳ việc thực

hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng tại Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng cho các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo

- Phối hợp với địa phương, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo tổ chức nhân rộng mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với du lịch; xây dựng và tổ chức thí điểm các mô hình đào tạo thích ứng theo yêu cầu vị trí làm việc trong doanh nghiệp ở trong và ngoài nước; đào tạo chuyển đổi nghề cho lao động nông thôn, lao động nữ, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa, người thất nghiệp theo mục tiêu vị trí làm việc của doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn; các tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và công tác quản lý giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp, đào tạo thường xuyên tại một số địa phương.

* Tình hình phân bổ kinh phí của các Bộ, ngành, địa phương

- Tổng kinh phí thực hiện nội dung “Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn” từ nguồn vốn sự nghiệp CTMTQG xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2016-2020 là 4.200 tỷ đồng (năm 2016: 500 tỷ đồng, năm 2017: 540 tỷ đồng, năm 2018: 702 tỷ đồng, năm 2019: 983 tỷ đồng và năm 2020: 1.475 tỷ đồng).

- Giai đoạn 2016-2019, đã bố trí được khoảng trên 1.300 tỷ đồng kinh phí ngân sách trung ương thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới để thực hiện các nội dung, hoạt động nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn (bằng 48% so với nhu cầu giai đoạn 2016-2019).

- Đến ngày 30/6/2020, đã bố trí khoảng trên 420 tỷ đồng (đạt 28,5% kinh phí đề xuất) để thực hiện các hoạt động thuộc nội dung thành phần “Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn” năm 2020.

* Kết quả tuyển sinh, đào tạo trình độ sơ cấp, dưới 03 tháng và hỗ trợ lao động nông thôn học nghề

- Giai đoạn 2016-2019, đã có 4,9 triệu lao động nông thôn được học nghề, đạt 89% kế hoạch giai đoạn 2016-2020 là 5,5 triệu người, trong đó số lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng là 2,85 triệu người (đạt 74% kế hoạch giai đoạn là 3,84 triệu người). Trong tổng số 2,85 triệu lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề, có trên 0,85 triệu người học nghề nông nghiệp (chiếm 36%) và khoảng 2 triệu người học nghề phi nông nghiệp (chiếm 64%); trong đó: 450 nghìn người dân tộc thiểu số (chiếm 15,8%), 200 nghìn người thuộc hộ nghèo (chiếm 7,02%); 60 nghìn người khuyết tật (chiếm 2,11%); còn lại là các đối tượng lao động nông thôn khác. Tỷ lệ lao động nông thôn có việc làm sau học nghề giai đoạn 2016-2019 là 81,4%.

- Ngoài ra, đã có trên 134 nghìn hộ nghèo có người tham gia học nghề đã thoát nghèo (chiếm 24,3% tổng số người thuộc hộ nghèo tham gia học nghề); trên 165 nghìn hộ có người tham gia học nghề, có việc làm và thu nhập cao hơn mức bình quân tại địa phương (trở thành hộ khá), chiếm 2,3% tổng số lao động nông thôn tham gia học nghề.

- Kế hoạch năm 2020, đào tạo nghề các cấp trình độ cho 1,68 triệu lao động nông thôn, trong đó hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng cho 990.000 lao động nông thôn (gồm 350.000 người học nghề nông nghiệp, 640.000 người học nghề phi nông nghiệp). Tỷ lệ lao động nông thôn có việc làm sau đào tạo đạt trên 80%.

- Trong 06 tháng đầu năm 2020, cả nước đã tuyển sinh, đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng cho trên 460.000 người, trong đó gần

300.000 người là lao động nông thôn, số lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề là gần 50.000 người. Hơn 30 cơ sở GDNN báo cáo đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức vừa làm vừa học, 01 cơ sở GDNN báo cáo tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn.

*** Các chỉ tiêu của chương trình**

- Các dự án, chính sách của Chương trình cơ bản được tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả. Đến hết tháng 8/2020, có 5.350 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 60,23%), tăng 3.818 xã so với cuối năm 2015 và vượt 10,23% so với mục tiêu 5 năm; có 09 tỉnh, thành phố có 100% số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân cả nước đạt 16,2 tiêu chí/xã nông thôn mới (vượt mục tiêu cụ thể của chương trình bình quân cả nước đạt 15 tiêu chí/xã); cả nước không còn xã dưới 5 tiêu chí; tỷ lệ hộ nghèo cả nước còn khoảng 2,75%, bình quân trong 5 năm qua giảm khoảng 1,43%/năm; tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo còn khoảng 24%, bình quân trong 5 năm giảm 5,65%/năm, vượt mục tiêu Quốc hội giao. Có 127/664 đơn vị cấp huyện thuộc 45 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới. Có 02 tỉnh (Nam Định, Đồng Nai) được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn và Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Theo đó, số lượng địa phương tham gia OCOP liên tục tăng; đến hết năm 2020, cả nước có 63/63 tỉnh, thành phố phê duyệt Đề án, Kế hoạch OCOP cấp tỉnh; các địa phương đánh giá, phân hạng và công nhận 2.400 sản phẩm OCOP (đạt 100% kế hoạch).

1.4.2 Những tồn tại, sai sót của việc sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu

Bên cạnh các kết quả đạt được từ việc sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu thì còn những mặt hạn chế trong quá trình thực hiện được chỉ ra thông qua hoạt động kiểm toán làm giảm hiệu quả sử dụng và không đáp ứng kịp thời các nhu cầu sử dụng kinh phí có mục tiêu, những tồn tại, sai sót chung phổ biến được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán như sau:

- + Xây dựng dự toán và phân bổ nguồn vốn không đúng đối tượng, số lượng tiếp nhận nguồn kinh phí
- + Phân bổ chậm, chưa phân bổ, giao ngay từ đầu năm, phân bổ sai nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu
- + Việc quyết toán không hết nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu phân bổ từ đầu năm.
- + Các tồn tại, sai sót khác về quản lý kinh phí bổ sung có mục tiêu

1.4.2.1 Xây dựng dự toán và phân bổ nguồn vốn không đúng đối tượng, số lượng tiếp nhận nguồn kinh phí.

Theo Luật Ngân sách nhà nước năm 2015: “Số bổ sung có mục tiêu là khoản ngân sách cấp trên bổ sung cho ngân sách cấp dưới để hỗ trợ thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ cụ thể”, vì vậy các nguồn ngân sách cấp trên bổ sung cho ngân sách cấp dưới đều có các nhiệm vụ, đối tượng chi cụ thể tùy theo yêu cầu và mục đích của từng khoản kinh phí bổ sung có mục tiêu. Đối với phân bổ các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới phải bảo đảm đúng mục tiêu, đúng đối tượng và thực hiện đúng các cam kết hoặc quy định về bố trí ngân sách địa phương cho mục tiêu đó. Tuy nhiên, thông qua hoạt động kiểm toán đã phát hiện các trường hợp thực hiện xây dựng dự toán và chi không đúng đối tượng và mục tiêu

theo yêu cầu của nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, cụ thể một số tồn tại, sai sót tại các địa phương như sau:

- Dự toán chưa phù hợp với nhiệm vụ được giao, chưa đúng với nội dung chương trình và định mức phân bổ:

+ BCKT tỉnh Lào Cai năm 2017, UBND huyện Bảo Yên giao dự toán cho 02 xã chỉ duy tu bảo dưỡng các công trình sau đầu tư (*sửa chữa trụ sở làm việc*) chưa đúng nội dung hỗ trợ của Dự án 2 thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững 140trđ² (Điện Quan 40trđ, Cam Cọn 100trđ).

+ BCKT tỉnh Phú Thọ năm 2017, trong năm 2016 phân bổ giao dự toán không đúng nội dung nguồn kinh phí của các chính sách khác được Bộ Tài chính bổ sung có mục tiêu số tiền 16.125,5trđ³;

+ BCKT tỉnh Sơn La năm 2017, UBND tỉnh Sơn La Bổ sung cho ngân sách cấp dưới chưa phù hợp theo nhiệm vụ được giao dẫn đến kinh phí thừa không thực hiện được nên phải thu hồi: Năm 2017 tỉnh có Quyết định 1586/QĐ-UBND ngày 14/6/2017 thu hồi về ngân sách tỉnh 28.546trđ (Kinh phí CTMTQG 3.627trđ; kinh phí hỗ trợ có mục tiêu 4.649trđ và chi thường xuyên 20.269trđ).

+ BCKT tỉnh Yên Bái năm 2020: UBND tỉnh giao dự toán bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện 492.848trđ⁴; đây là nhiệm vụ chi thường

²Quyết định 1203/QĐ-UBND ngày 28/7/2016 thực hiện theo Văn bản 1311/SKH-KTN ngày 27/7/2016 v/v thống nhất phân bổ kinh phí duy tu bảo dưỡng công trình thuộc nguồn vốn giảm nghèo bền vững năm 2016.

³ - Thực hiện hỗ trợ chi phí học tập và cấp bù học phí số tiền 12.832trđ (tổng nguồn tỉnh có để thực hiện chính sách trong năm 67.572trđ trong đó nguồn năm trước chuyển sang 19.182trđ, BTC bổ sung 48.390trđ; số kinh phí thực hiện quyết toán 80.404trđ số thiếu phải lấy nguồn bổ sung mục tiêu khác để thực hiện 12.832trđ tại Quyết định 3279/QĐUBND ngày 08/12/2016 và Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 30/5/2016).

- Hỗ trợ ăn trưa cho học sinh bán trú theo Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg 1.256trđ (năm 2016 tỉnh chưa được BTC bổ sung kinh phí thực hiện Quyết định số 85/QĐ-TTg, tại Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 của UBND tỉnh sử dụng nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu để thực hiện).

- Thực hiện chi trả chính sách cho người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGD&ĐT-BLĐTBXH-BTC số tiền 2.037,5trđ (UBND tỉnh báo cáo BTC tại văn bản số 6100/UBND-KTTH ngày 30/12/2016 về việc quyết toán kinh phí Thông tư số 42/2013/TTLT chính sách đối với người khuyết tật năm 2016: Kinh phí được bố trí thực hiện trong năm 4.540trđ, kinh phí quyết toán 6.577,5trđ, kinh phí thiếu phải lấy từ nguồn khác thực hiện 2.037,5trđ).

⁴ Năm 2017 là 154.479trđ; Kiến thiết thị chính và chỉnh trang đô thị 95.000trđ; Đại hội Đoàn thanh niên, Hội CCB 3.600trđ; Tổ chức các lễ hội, hoạt động của năm du lịch 1.200trđ; Đại hội thể dục thể thao 1.350trđ;

xuyên theo phân cấp do ngân sách cấp huyện đảm bảo nhưng chưa được xác định theo định mức phân bổ ngân sách từ năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách (năm 2017) tại Nghị quyết 47/2016/NQ-HĐND ngày 23/12/2016 của HĐND tỉnh, là chưa phù hợp với Khoản 4 Điều 9 Luật NSNN năm 2015; khoản 3, Điều 19, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP; điểm b, khoản 1, Điều 8 Thông tư số 342/2016/TT-BTC và quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 47/2016/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của HĐND tỉnh Yên Bái về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ % phân chia khoản thu giữa các cấp ngân sách..

- Xây dựng dự toán, bố trí vốn cho các công trình, dự án của các chương trình MTQG không đúng đối tượng:

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững một số địa phương Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016- 2020 cho nội dung hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng của Chương trình chi tiết theo đối tượng được thụ hưởng (huyện, xã), không xây dựng danh mục và mức bố trí vốn kế hoạch cho từng dự án, công trình theo quy định.

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững phân bổ kinh phí của Chương trình sai cơ cấu vốn đầu tư, vốn sự nghiệp cho các Dự án được trung ương giao, phân bổ không đúng kế hoạch vốn được trung ương giao chi tiết cho các Dự án của Chương trình 30a, 135⁵; phân bổ vốn đầu tư (hỗ trợ cơ sở hạ tầng) không đúng đối tượng thụ hưởng của Chương trình⁶

Thu gom xử lý rác thải 29.459trđ; Hoạt động của cấp ủy, HĐND, UBND 7.500trđ; Kỷ niệm ngày thành lập Đảng bộ huyện 1.500trđ; Các chính sách, nhiệm vụ khác 14.870trđ.

Năm 2018 là 181.141trđ: Kiến thiết thị chính và chỉnh trang đô thị 95.000trđ; Đại hội Hội nông dân, Ủy ban MTTQ 2.700trđ; Tổ chức các lễ hội du lịch 2.200trđ; Mua sắm thiết bị dạy học hỗ trợ trường chuẩn quốc gia 39.500trđ; Thu gom xử lý rác thải 15.871trđ; Hoạt động của cấp ủy, HĐND, UBND 7.500trđ; Các chính sách, nhiệm vụ khác 18.370trđ.

Năm 2019 là 157.228trđ: Kiến thiết thị chính và chỉnh trang đô thị 95.000trđ; Đại hội MTTQ, khuyến học, dân tộc thiểu số Liên hiệp thanh niên cấp huyện 2.700trđ; Diễn tập khu vực phòng thủ, ứng phó cháy rừng TKCN 5.400trđ; Tổ chức các lễ hội du lịch 2.500trđ; Mua sắm bàn ghế học sinh, trang thiết bị dạy học 13.215trđ; Thu gom xử lý rác thải 16.443trđ; Hoạt động của cấp ủy, HĐND, UBND 7.500trđ; Các chính sách, nhiệm vụ khác 14.470trđ.

⁵ Tính: Sơn La (1) phân bổ vốn đầu tư của Dự án 2 cho Dự án 1 số tiền 20.056 trđ, (2) phân bổ vốn sự nghiệp Dự án 1 cho Dự án 2 số tiền 3.698 trđ và Dự án 3,4,5 số tiền 5.868 trđ, (3) phân bổ 1.565 trđ vốn Tiểu dự án 3, Dự án 2 cho Tiểu dự án 1, Dự án 2 (1.531 tr.đ) và Tiểu dự án 2, Dự án 2 (34 trđ), ; Cao Bằng phân bổ vốn

+ Tỉnh Phú Thọ sử dụng kinh phí của Dự án 3 của chương trình MTQG giảm nghèo bền vững để hỗ trợ không đúng đối tượng thụ hưởng, số tiền 1.868 trđ; bố trí kinh phí thực hiện Chương trình không đúng cơ cấu kinh phí phân bổ cho các dự án thành phần của Chương trình được trung ương giao. Tỉnh Phú Thọ sử dụng kinh phí của Dự án 3 cho Dự án 1, 2.

+ Tại CTMTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Yên Bái và Sơn La bố trí vốn cho các công trình, dự án không thuộc đối tượng hỗ trợ của Chương trình (Sơn La 1.750trđ, Yên Bái 1.418trđ);

+ Tỉnh Sơn La hướng dẫn các địa phương (các huyện thụ hưởng) thực hiện phân bổ vốn sự nghiệp của Chương trình 30a để hỗ trợ, chi trả chế độ cho cán bộ khuyến nông viên xã không đúng đối tượng thụ hưởng của Chương trình số tiền là 6.590,55 trđ;

+ Tại CTMTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Yên Bái và Lai Châu dùng kinh phí sự nghiệp của chương trình để thanh toán không đúng cho đối tượng thụ hưởng (Lai Châu: 377,8 trđ; Yên Bái: 199,4 trđ).

+ CTMTQG xây dựng nông thôn mới Phê duyệt thời gian thực hiện công trình quá thời gian quy định tại khoản 1 Mục V Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Phê duyệt chủ trương đầu tư chậm⁷, không đúng đối tượng⁸, chưa xác định rõ cơ cấu nguồn vốn; phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án nhóm C quy mô nhỏ chưa đáp ứng đầy đủ tiêu chí quy định tại Điều 2 Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016⁹; điều chỉnh chủ trương chưa đúng thẩm quyền. Các công trình đầu tư chủ yếu sử dụng vốn NSNN, phần nhân dân đóng góp còn hạn chế, không có sự tham gia giám sát

sự nghiệp của Dự án 1 cho Dự án 3, Dự án 5 số tiền 5.137 trđ; Lạng Sơn phân bổ vốn của Dự án 1 (Tiểu DAI) cho Dự án 2 số tiền 2.973 trđ.

⁶ Các tỉnh: Yên Bái 1.418 trđ; Sơn La 1.750 trđ.

⁷ Tỉnh Điện Biên.

⁸ Tỉnh Lai Châu: Phê duyệt chủ trương đầu tư Hạ tầng sắp xếp dân cư điểm định canh định cư Vạ Pù 2.616 triệu đồng, Hạ tầng sắp xếp dân cư suối Voi 131 triệu đồng không thuộc nội dung Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội của chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016.

⁹ Tỉnh Điện Biên: Các công trình chưa có thiết kế mẫu, thiết kế điển hình; chưa có sự giám sát của người dân.

của nhân dân là chưa tuân thủ tinh thần tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020.

+ Chương trình hỗ trợ phát triển Hợp tác xã: Giao KHV chậm; giao KHV hỗ trợ phát triển hợp tác xã nhưng không đủ điều kiện hỗ trợ hoặc chưa cung cấp đủ tài liệu chứng minh thuộc đối tượng hỗ trợ; giao KHV hỗ trợ hợp tác xã xây dựng nhà, xưởng chế biến trên đất trồng cây lâu năm không đúng kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất; phê duyệt chủ trương đầu tư để hỗ trợ cho dự án, trong khi các dự án này đã có quyết định chủ trương đầu tư; phân bổ vốn cho hạng mục không thuộc danh mục đối tượng hỗ trợ; hỗ trợ NSTW vượt mức đối đa; các Hợp tác xã chưa huy động vốn đối ứng 20% theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg; Tổ kiểm tra liên ngành kiểm tra, rà soát thực tế tại các HTX nhưng không có biên bản kiểm tra. Chương trình hỗ trợ phát triển Hợp tác xã: Lập, giao KHV chưa căn cứ vào kế hoạch cấp xã lập dẫn đến không thực hiện được Đề án đã giao, phải hủy dự toán¹⁰; giao KHV mua thiết bị, sửa chữa trụ sở làm việc của HTX chưa phù hợp quy định; điều chỉnh giảm vốn hỗ trợ cho một số công trình của HTX để bố trí vốn sang các công trình chưa đúng nguyên tắc, tiêu chí sử dụng.

+ Về việc thực hiện Đề án bảo vệ môi trường: Phân bổ nguồn vốn dự phòng để thực hiện nhưng chưa đề xuất các mô hình với Bộ NN&PTNT; chưa thẩm định nội bộ và gửi Bộ NN&PTNT để thẩm định nội dung và hướng dẫn thực hiện.

+ Các địa phương chưa bố trí đầy đủ nguồn vốn khác và nguồn đối ứng từ NSDP thực hiện Chương trình theo quy định; chưa tổng hợp số liệu thống kê vốn đối ứng tại báo cáo quyết toán; đầu năm kế hoạch chưa trình HĐND ban hành Nghị quyết bố trí vốn đối ứng từ NSDP để thực hiện Chương trình.

¹⁰ Tỉnh Lai Châu: Huyện Phong Thổ 1.570 triệu đồng (KHV năm 2020 là 900 triệu đồng, KHV năm 2019 chuyển sang 670 triệu đồng), huyện Tam Đường (KHV năm 2020 là 1.000 triệu đồng).

1.4.2.2 Phân bổ chậm, chưa phân bổ, giao ngay từ đầu năm, phân bổ sai nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu

Các nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu sẽ được giao dự toán từ đầu năm hoặc bổ sung dự toán trong năm. Đối với nguồn kinh phí giao dự toán từ đầu năm các đơn vị dự toán cấp I phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc trước ngày 31 tháng 12 năm trước. Đối với trường hợp được giao bổ sung dự toán, chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao dự toán bổ sung, đơn vị dự toán cấp trên, Ủy ban nhân dân cấp dưới phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán theo quy định. Việc quy định thời hạn 10 ngày làm việc phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán giúp nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu được sử dụng một cách hiệu quả và kịp thời. Tuy nhiên qua hoạt động kiểm toán phát hiện còn nhiều địa phương thực hiện việc phân bổ vốn bổ sung có mục tiêu còn chậm hoặc giao không hết kinh phí ngay từ đầu năm dẫn đến tình trạng chậm giải ngân vốn Chương trình, hết năm ngân sách phải phải hủy dự toán lớn, làm giảm hiệu quả sử dụng kinh phí. Cụ thể một số trường hợp như sau:

+ Tại báo cáo kiểm toán NSDP tỉnh Lào Cai năm 2017: Huyện Bảo Thắng còn điều chỉnh kế hoạch vốn của các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia không đúng thẩm quyền.

+ Tại báo cáo kiểm toán NSDP tỉnh Phú Thọ năm 2017: Huyện Cẩm Khê chưa giao hết dự toán ngay từ đầu năm cho các đơn vị 54.539,2trđ; huyện Tân Sơn giao dự toán (ngày 24/12) chậm so với thời gian quy định cấp huyện phải giao dự toán trước ngày 20/12 năm trước, không phân bổ hết dự toán ngay đầu năm 17.977trđ, giữ lại kinh phí sự nghiệp giáo dục để bố trí dự phòng 4.549trđ không đúng quy định của Luật NSNN; Còn nhiều thông báo (20 thông báo bổ sung có mục tiêu) bổ sung dự toán vào thời gian chỉnh lý quyết toán (tháng 1/2017) tổng số 155.506,7trđ, dẫn đến khó khăn cho các huyện trong triển khai thực hiện dự toán, phải chi chuyển nguồn sang năm sau;

+ Tại báo cáo kiểm toán NSDP tỉnh Yên Bái năm 2018: định kỳ hàng quý UBND tỉnh chưa tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính tình hình thực hiện kinh phí NSTW bổ sung có mục tiêu để thực hiện các chính sách theo quy định Khoản 8 Điều 8 Thông tư số 326/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính; phân bổ kinh phí chưa đảm bảo thời gian theo quy định tại Khoản 2 Điều 50 Luật NSNN

+ Việc phân bổ giao dự toán từ nguồn bổ sung có mục tiêu trong năm còn chậm, chưa đảm bảo thời gian theo quy định (chậm hơn 10 ngày làm việc) tại tiết b khoản 2 Điều 50 Luật NSNN. tại các tỉnh Yên Bái, Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu, Phú Thọ, Sơn La. Đây là sai sót thường gặp tại các cuộc kiểm toán trên địa bàn các tỉnh, một số địa phương thời gian phân bổ chậm lên đến vài tháng dẫn đến trì trệ, chậm giải ngân vốn, hết năm ngân sách phải phải hủy dự toán lớn, làm giảm hiệu quả sử dụng kinh phí.

Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia vốn phân bổ còn phân tán, dàn trải; chậm giao chi tiết kế hoạch vốn, giải ngân chậm, bố trí vượt số vốn ghi trong quyết định đầu tư, bố trí dồn vào thời điểm cuối năm nên ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng nhiều công trình, dự án. Việc lồng ghép nguồn lực thực hiện các chương trình MTQG chưa được hướng dẫn cụ thể nên dẫn đến nhiều bất cập và hạn chế trong việc tổ chức thực hiện:

+ Một số địa phương chưa ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình theo quy định của Trung ương¹¹; ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2020 khi chưa thông qua HĐND ; chưa trình HĐND xem xét, quyết định kế hoạch đầu tư công hằng năm theo danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án do địa phương quản lý ; chưa có kế hoạch kiểm tra định kỳ để chỉ đạo, điều hành kịp thời dẫn đến nhu cầu thì còn thiếu nhưng nguồn vốn được giao tại các đơn vị không thực hiện được phải hủy bỏ, hoặc

¹¹ (1) Tỉnh Lai Châu: Chưa xây dựng quy định và hướng dẫn lồng ghép vốn từ các chương trình, dự án khác ở mỗi cấp để thực hiện Chương trình; chưa xây dựng quy chế sử dụng nguồn vốn huy động thực hiện; (2) tỉnh Điện Biên: UBND tỉnh ban hành hướng dẫn thực hiện Chương trình năm 2020 chậm; (3) tỉnh Lào Cai: Một số chính sách, hướng dẫn địa phương ban hành làm cơ sở thực hiện chương trình còn chậm ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện.

chuyển nguồn sang năm sau. Tại tỉnh Điện Biên hướng dẫn một số huyện sử dụng nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình MQTG xây dựng nông thôn mới để tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo là chưa đúng quy định tại Điều 7 Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính, Điều 7 Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01/3/2017 của Bộ NN&PTNT.

+ Giao kế hoạch vốn CTMTQG xây dựng nông thôn mới còn dàn trải, quá thời gian quy định, chưa ưu tiên bố trí vốn đảm bảo dứt điểm đối với các công trình đã hoàn thành hoặc chuyển tiếp nhưng lại bố trí cho các dự án khởi công mới; giao KHV để trả nợ khối lượng hoàn thành cho một số công trình không phù hợp cơ cấu nguồn vốn theo quyết định đầu tư ; giao KHV chưa sát thực tế, phải điều chỉnh bổ sung . Ngoài ra, tại một số địa phương giao KHV vượt mức hỗ trợ¹², vượt¹³ hoặc chưa phù hợp cơ cấu nguồn vốn tại Quyết định đầu tư¹⁴, chưa có trong danh mục Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020¹⁵; giao KHV nguồn dự phòng không thuộc nhiệm vụ của các Đề án¹⁶.

+ Giao KHV CTMTQG xây dựng nông thôn mới chậm¹⁷, dàn trải (nhóm C quá 03 năm); giao cho một số công trình không đăng ký¹⁸ hoặc vượt nhu cầu đã đăng ký¹⁹; giao không đúng đối tượng, giao vượt TMĐT²⁰; giao KHV cho công

¹² Tỉnh Điện Biên: Bố trí kế hoạch vốn lũy kế đến năm 2020 vượt mức hỗ trợ 207,6 triệu đồng (huyện Điện Biên 66,1 triệu đồng, Tuần Giáo 141,5 triệu đồng).

¹³ Tỉnh Điện Biên: 09 công trình được giao KHV NSTW đến năm 2020 vượt cơ cấu trong TMĐT 5.399 triệu đồng.

¹⁴ Tỉnh Điện Biên: Huyện Nậm Pồ (Công trình Đường bê tông bản Huổi Lụ 1 xã Nà Khoa 200 triệu đồng; công trình Đường Nậm Tin 3 Nậm Tin 4 xã Nậm Tin 234 triệu đồng); Huyện Điện Biên (Công trình đường QL279 - đi bản Nà Pen 1, 2, 3 xã Nà Nhạn 4.371 triệu đồng).

¹⁵ Tỉnh Điện Biên: Tổng KHV giao năm 2020 là 36.171 triệu đồng cho 27 công trình (Nậm Pồ 12 công trình; Điện Biên 15 công trình).

¹⁶ Tỉnh Lai Châu: Phân bổ 590 triệu đồng còn dư từ nguồn vốn dự phòng trung hạn giai đoạn 2016-2020 cho các công trình không thuộc nhiệm vụ của các Đề án được sử dụng vốn dự phòng trung hạn.

¹⁷ (1) Tỉnh Lào Cai: Huyện Bắc Hà; (2) tỉnh Điện Biên; (3) tỉnh Lai Châu.

¹⁸ Tỉnh Điện Biên (huyện Nậm Pồ): Công trình Nhà văn hóa xã Nà Khoa 589,6 triệu đồng; công trình Đường vào bản Nậm Nhừ Con xã Nà Khoa 787 triệu đồng; công trình Đường Hồ Hải - Nậm Đích xã Chà Cang 1.140 triệu đồng; công trình Nhà văn hóa Nậm Tin 1.798 triệu đồng,...

¹⁹ Tỉnh Điện Biên (huyện Nậm Pồ): Công trình Nhà đa năng - Khuôn viên xã Chà Nưa đăng ký 298 triệu đồng, được giao 456 triệu đồng; công trình Nhà văn hóa xã Nà Cô Sa, đăng ký 10 triệu đồng, được giao 600 triệu đồng...

trình²¹ đến ngày 31/10/2019 chưa có quyết định đầu tư²²; giao KHV chưa sát thực tế nên trong năm phải điều chỉnh, bổ sung; giao làm nhiều đợt, thậm chí có đơn vị không giao hết số kinh phí được cấp trên giao .

+ Tỉnh Lai Châu phân bổ kinh phí kết dư nguồn NSTW của Chương trình cho các đơn vị không đúng theo quy định của Luật NSNN số tiền 35.308 trđ;

+ Tại tỉnh Sơn La phân bổ kinh phí của Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững sai cơ cấu vốn đầu tư, vốn sự nghiệp cho các Dự án được trung ương giao, phân bổ không đúng kế hoạch vốn được trung ương giao chi tiết cho các Dự án của Chương trình 30a, 135 (phân bổ vốn đầu tư của Dự án 2 cho Dự án 1 số tiền 20.056 trđ, phân bổ vốn sự nghiệp Dự án 1 cho Dự án 2 số tiền 3.698 trđ và Dự án 3,4,5 số tiền 5.868 trđ, phân bổ 1.565 trđ vốn Tiểu dự án 3, Dự án 2 cho Tiểu dự án 1, Dự án 2 (1.531 tr.đ) và Tiểu dự án 2, Dự án 2 (34 trđ); phân bổ sai cơ cấu nguồn vốn được trung ương giao, phân bổ sai nội dung chi cho các dự án thành phần Sơn La 31.187trđ;

+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai: Giao kế hoạch vốn chậm, dàn trải, Phân bổ vốn Chương trình chưa kịp thời, đúng đối tượng, nội dung và tỷ lệ quy định;

+ Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững tTại tỉnh Phú Thọ Giao kế hoạch vốn cho Sở Lao động - Thương binh và xã hội để thực hiện nội dung nhân rộng mô hình giảm nghèo; Lào Cai giao kế hoạch vốn cho Sở NN&PTNT thực hiện nội dung nhân rộng mô hình giảm nghèo

²⁰ Tỉnh Lào Cai: Nhà văn hóa kết hợp hội trường xã Nậm Lúc huyện Bắc Hà bố trí thừa 713 triệu đồng, tuy nhiên sau khi công trình được phê duyệt quyết toán đã điều chỉnh giảm; Nhà văn hóa kết hợp hội trường xã Lũng Cú huyện Bắc Hà bố trí kế hoạch vốn vượt 17 triệu đồng.

²¹ Tỉnh Điện Biên (huyện Điện Biên): Mở rộng nền đường nối tiếp từ đôn biên phòng cửa khẩu Huổi Puốc Km04 đến Km17 đi bản Huổi Khuông – Co Đưa xã Mường Lói.

²² Đối với các dự án khởi công mới, chỉ bố trí vốn kế hoạch năm 2020 cho các dự án thật sự cần thiết đáp ứng đủ các điều kiện: (i) Đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; (ii) Đến ngày 31/10/2019 có quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công; (iii) Không bố trí vốn kế hoạch đầu tư công cho các dự án không thực hiện trình tự lập, thẩm định, phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành.

1.4.2.3 Việc quyết toán không hết nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu phân bổ từ đầu năm.

Việc xây dựng dự toán không hợp lý, chậm trễ trong việc phân bổ vốn bổ sung có mục tiêu sẽ dẫn đến tình trạng hết thời gian thực hiện các chương trình, dự án nhưng chưa giải ngân được vốn, theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước quy định chỉ được chuyển nguồn sang năm ngân sách sau đối với các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán. Do đó, khi hết năm ngân sách nếu không thực hiện hoặc chưa chi hết các nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu được bổ sung trước ngày 30 tháng 9 thì phải hủy bỏ và không được chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện. Tuy nhiên, qua hoạt động kiểm toán cho thấy trong thực tế các địa phương còn chưa tuân thủ việc sử dụng và quyết toán kinh phí bổ sung có mục tiêu, hàng năm KTNN vẫn kiến nghị xử lý tài chính nộp trả ngân sách hàng nghìn tỷ đồng đối với việc chuyển nguồn sai quy định nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu; chuyển nguồn phân bổ chi tiết cho các dự án từ nguồn vốn trung ương bổ sung có mục tiêu các năm trước nhưng chưa có ý kiến của bộ, ngành trung ương; Không nộp về ngân sách cấp trên các nguồn kinh phí đã hết nhiệm vụ chi và để kết dư đối với nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên. Cụ thể như sau:

- Năm 2017:

+ BCKT tỉnh Điện Biên: Ngân sách cấp tỉnh chỉ chuyển nguồn chưa đảm bảo thời gian theo quy định của Thông tư 108/2008/TT-BTC và Thông tư 319/2016/TT-BTC; chuyển nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu hết nhiệm vụ chi năm 2016 tổng số: 4.922,7trđ, các huyện không kiểm toán chi chuyển nguồn hết nhiệm vụ chi 2016: 9.076,5trđ; Tại 03 huyện kiểm toán chi tiết chi chuyển nguồn hết nhiệm vụ chi 27.749,5trđ (huyện Tuần Giáo 11.021trđ; Mường Nhé 16.060,8trđ; Thành phố Điện Biên Phủ 667,7trđ);

+ BCKT tỉnh Lào Cai: Chuyển nguồn phân bổ chi tiết cho các dự án từ nguồn vốn trung ương bổ sung có mục tiêu các năm trước chuyển sang năm 2016 còn lại 16.986trđ để sử dụng năm 2017, chưa có ý kiến của bộ, ngành trung ương là chưa phù hợp với quy định tại Điều 76, Luật Đầu tư công; các huyện để kết dư kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên hết nhiệm vụ chi năm 2016 số tiền 1.899,5trđ, trong đó: huyện Bảo Yên 25trđ kinh phí khám chữa bệnh cho người nghèo, huyện Mường Khương 1.874,5trđ (*kinh phí cải cách tiền lương 1.637,4trđ, kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh đã hết nhiệm vụ 237,1trđ*); xã Gia Phú để kết dư kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách huyện 188trđ;

+ BCKT tỉnh Sơn La: cấp xã huyện Thuận Châu để kết dư kinh phí bổ sung có mục tiêu hết nhiệm vụ chi 96trđ.

- Năm 2018:

+ BCKT tỉnh Điện Biên: Quá trình thực hiện CTMTQG chậm dẫn đến hết ngày 31/01/2018 còn nhiều kinh phí thực hiện CTMTQG năm 2017 phân bổ trước ngày 30/9/2017 còn dư chưa thực hiện được đang được tổng hợp chung trình BTC cho phép chuyển nguồn số tiền 48.308trđ đến thời điểm kiểm toán chưa có ý kiến của Bộ Tài chính; Ngân sách cấp tỉnh chi Chuyển nguồn kinh phí NSTW bổ sung có mục tiêu hết nhiệm vụ chi và nguồn ngân sách tỉnh cấp bổ sung năm 2017 tổng số: 39.414,5trđ (*Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu hết nhiệm vụ chi 39.292,2trđ ; Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho các đơn vị hết nhiệm vụ chi 121,3trđ*); Tại huyện Tủa Chùa Còn một số khoản kinh phí bổ sung có mục tiêu để thực hiện các chế độ, chính sách năm 2017 số tiền 479,3trđ;

+ BCKT tỉnh Lai Châu: Qua kiểm toán tổng hợp cho thấy một số khoản kinh phí bổ sung có mục tiêu từ NSTW chuyển nguồn từ năm 2016 đã hết nhiệm vụ năm 2017 số tiền 83,2trđ; Chương trình MTQG 3.900trđ) đã hết thời hạn giải ngân thanh toán nhưng chưa nộp trả NSTW.

+ BCKT tỉnh Lào Cai: Qua kiểm tra cho thấy còn 2.297trđ vốn còn dư từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu (vốn năm 2016, thực tế địa phương đã hủy dự toán và hòa chung vào nguồn NSDP để phân bổ thanh toán cho năm sau và đã thanh toán hết) chưa có ý kiến của cấp có thẩm quyền để tiếp tục sử dụng; Qua kiểm toán cho thấy kết dư ngân sách có các khoản bổ sung có mục tiêu và các khoản kinh phí phải thực hiện chi chuyển nguồn 29.317,8trđ. Tại các huyện kiểm toán chi tiết để kết dư các khoản kinh phí hết nhiệm vụ chi từ NS cấp trên, các khoản phải chi chuyển nguồn.

+ BCKT tỉnh Yên Bái: Chương trình mục tiêu một số nguồn kinh phí NSTW còn dư hết nhiệm vụ chi 2017 số tiền 25.255,7trđ. Tại các huyện, các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên hết nhiệm vụ chi 2017 số tiền 6.888,6trđ.

- Năm 2019:

+ BCKT tỉnh Phú Thọ các huyện để kết dư khoản bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên

+ BCKT tỉnh Sơn La: việc triển khai thực hiện sử dụng nguồn kinh phí bổ sung từ NSTW (chương trình mục tiêu quốc gia, các khoản bổ sung có mục tiêu) chậm phải chuyển nguồn qua nhiều năm phải nộp trả ngân sách trung ương 119.064,2trđ. (Chương trình MTQG 25.868,8trđ, Hỗ trợ có mục tiêu Ngân sách Trung ương còn dư hết nhiệm vụ chi 93.195,4trđ).

- Năm 2020:

+ BCKT tỉnh Lai Châu: Cấp tỉnh để kết dư một số khoản bổ sung có mục tiêu 11.192,8trđ, Các huyện để kết dư kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên: 04 huyện không kiểm toán chi tiết 64.220,6trđ và 3/4 huyện kiểm toán chi tiết 50.460,4trđ; Chuyển nguồn các khoản bổ sung có mục tiêu từ NSTW hết nhiệm vụ chi 2019 số tiền 53.051,1trđ. 02/4 huyện, thành phố kiểm toán chi tiết chuyển nguồn kinh phí bổ sung từ ngân sách cấp

trên hết nhiệm vụ chi 2019 số tiền 4.025,5trđ; 04 huyện không kiểm toán chi tiết một số nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu hết nhiệm vụ chi năm 2019 để kết dư ngân sách 64.220,6trđ;

+ BCKT tỉnh Yên Bái: Để kết dư ngân sách tỉnh một số kinh phí bổ sung có mục tiêu năm 2019 hết nhiệm vụ chi chưa nộp trả NSTW số tiền 2.088,5trđ; Các huyện đang để kết dư khoản bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên 16.465,7trđ còn nhiệm vụ, tiếp tục chi năm sau; Vốn đầu tư bổ sung có mục tiêu hết thời hạn giải ngân thanh toán 4.506,5trđ;

+ BCKT tỉnh Phú Thọ: Tại các huyện kết dư ngân sách huyện chưa nộp trả kinh phí bổ sung có mục tiêu thực hiện hỗ trợ người có công với Cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ, số tiền 9.180trđ (*huyện Lâm Thao 1.400trđ, huyện Phù Ninh 2.820trđ, huyện Hạ Hòa 3.660trđ, thị xã Phú Thọ 1.300trđ.*); việc triển khai thực hiện sử dụng nguồn kinh phí bổ sung từ NSTW (*chương trình mục tiêu quốc gia, các khoản bổ sung có mục tiêu*) chưa kịp thời một số nội dung chuyển nguồn qua nhiều năm phải nộp trả ngân sách trung ương 57.287,6trđ (Chương trình MTQG 3.061,6trđ; Hỗ trợ có mục tiêu Ngân sách Trung ương còn dư hết nhiệm vụ chi 54.866trđ); Tại các huyện các khoản bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh chưa giảm trừ dự toán 716trđ còn nhiệm vụ chi năm tiếp theo;

+ BCKT tỉnh Lào Cai: Ngân sách cấp tỉnh để kết dư một số khoản bổ sung có mục tiêu 16.820trđ; các huyện để kết dư các khoản có mục tiêu, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên 34.512trđ; Một số chương trình mục tiêu, dự án, nhiệm vụ khác từ nguồn bổ sung của NSTW để kết dư ngân sách cấp tỉnh đã hết nhiệm vụ chi 13.105trđ.

- Năm 2021:

+ Thành phố Điện Biên Phủ: Còn sử dụng các nguồn kinh phí tỉnh bổ sung có mục tiêu đã hết nhiệm vụ chi là 547,4trđ;

+ BCKT tỉnh Lai Châu: Các nguồn kinh phí có mục tiêu, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên hết nhiệm vụ chỉ còn phải nộp trả NSTW 89.976,5trđ; Kiểm toán cho thấy ngân sách tỉnh và các huyện để kết dư ngân sách các nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu hết nhiệm vụ chỉ năm 2020 số tiền 8.899,1trđ;

+ BCKT tỉnh Phú Thọ: Chuyển nguồn kinh phí hết nhiệm vụ chi (Chính sách an sinh xã hội ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu còn dư 20.633trđ nhưng chưa nộp trả ngân sách Trung ương;

+ BCKT tỉnh Sơn La: nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới còn dư hết nhiệm vụ chi năm 2020 phải nộp trả ngân sách cấp trên 84.665trđ (nộp trả NSTW 58.108trđ; nộp trả ngân sách tỉnh 24.807trđ; nộp trả ngân sách huyện 1.750trđ); Ngân sách cấp tỉnh để kết dư một số khoản bổ sung có mục tiêu với số tiền là 12trđ; huyện Phù Yên để kết dư khoản bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên 268trđ;

+ BCKT tỉnh Yên Bái: Các khoản có mục tiêu, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên hết nhiệm vụ chi phải nộp trả NSTW 104.229,1trđ; chi chuyển nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu hết nhiệm vụ chi năm 2020 số tiền 97.697,2trđ (cấp tỉnh 32.572,7trđ; cấp huyện 65.124,5trđ).

- Tại chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới:

+ Sử dụng kinh phí chưa phù hợp nội dung chi của Chương trình; một số nội dung chi chưa phù hợp với quy định, chưa căn cứ trên đề xuất; sử dụng kinh phí chuyển nguồn chưa đúng quy định²³. Chưa xây dựng đề án hỗ trợ liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp liên xã trong vùng để nâng cao

²³ Tỉnh Điện Biên: Xã Nà Hỳ 359,1 triệu đồng (hỗ trợ mua máy tuốt lúa chưa phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 43/TT-BTC ngày 12/5/2017, khoản 6 Điều 1 Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 30/01/2019 của Bộ Tài chính).

hiệu quả chuỗi sản phẩm nông nghiệp; phê duyệt chưa phù hợp thẩm quyền²⁴; phê duyệt thời gian thực hiện không phù hợp với thuyết minh dự án²⁵.

+ Hồ sơ, chứng từ chi của một số đơn vị chưa đảm bảo đầy đủ theo quy định²⁶; công tác phê duyệt chậm dẫn đến thời gian thực hiện dự án không đảm bảo; không kịp thời thực hiện dẫn đến phải hủy dự toán; công tác lựa chọn nhà thầu chưa phù hợp quy định.

+ Một số xã không giao cho tổ chức cộng đồng, tổ, nhóm thợ trên địa bàn xã nhận thầu hoặc giao cho trưởng thôn tổ chức các hộ gia đình trong thôn thực duy tu, bảo dưỡng đối với các công trình do thôn quản lý theo quy định tại Điều 48, 49 Thông tư số 43/2017/TT-BTC.

+ Số liệu quyết toán vốn đầu tư chưa đầy đủ các thông tin về hình hình sử dụng nguồn NSNN hàng năm theo quy định tại Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính.

+ Đến thời điểm kiểm toán Chương trình đã kết thúc giai đoạn 2016-2020, tuy nhiên một số địa phương chưa giải ngân, sử dụng hết nguồn vốn NSTW được giao, phải chuyển nguồn sang năm 2021.

+ Một số địa phương chuyển nguồn kinh phí sự nghiệp sang năm sau để sử dụng không đúng quy định khoản 3 Điều 64 Luật NSNN và Luật Đầu tư công.

+ Tỉnh Lào Cai, các dự án được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thừa vốn NSTW 590 triệu đồng nhưng vẫn được thống kê để kéo dài thời gian thanh toán vốn. Sở KH&ĐT tham mưu cho UBND tỉnh Lào Cai có Báo cáo số 857/UBND-TH ngày 10/3/2021 về danh mục dự án kéo dài thời gian giải

²⁴ Tỉnh Lai Châu: Huyện Phong Thổ.

²⁵ Tỉnh Lai Châu: Huyện Nậm Nhùn.

²⁶ Tỉnh Điện Biên: (i) Huyện Nậm Pồ: Hồ sơ thanh toán chưa đúng mẫu biểu (Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên); (ii) Huyện Điện Biên: Chưa theo dõi, thống kê tình trạng việc làm, thu nhập của lao động nông thôn, hồ sơ thanh toán của 20 lớp đào tạo chưa đúng mẫu biểu quy định (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội).

ngân sang năm 2021 của vốn đầu tư Chương trình xây dựng nông thôn mới 32.276 triệu đồng.

- Tại chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững:

- + Tỉnh Lai Châu và Yên Bái dùng kinh phí sự nghiệp của chương trình để thanh toán không đúng cho đối tượng thụ hưởng, số tiền là 577,2trđ (*Lai Châu: 377,8 trđ; Yên Bái: 199,4 trđ*).

- + Tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Phú Thọ, Lào Cai, Yên Bái, Sơn La thanh toán sai khối lượng; đơn giá các công trình XBCD được kiểm toán

- + Tỉnh Phú Thọ sử dụng kinh phí của Dự án 3 để hỗ trợ không đúng đối tượng thụ hưởng, số tiền 1.868 trđ

1.4.2.4 Các tồn tại, sai sót khác về quản lý kinh phí bổ sung có mục tiêu

Ngoài các vấn đề nêu trên, qua hoạt động kiểm toán cũng đã phát hiện nhiều sai sót khác ở các địa phương liên quan đến công tác quản lý kinh phí bổ sung có mục tiêu làm ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu:

- Tại các dự án thực hiện bằng nguồn vốn bổ sung có mục tiêu, đặc biệt là các dự án Chương trình MTQG còn tình trạng thanh toán sai khối lượng; đơn giá các công trình gây thất thoát và lãng phí nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu, qua kiểm toán chi tiết các công trình xây dựng KTNN khu vực VII đã phát hiện và kiến nghị xử lý tài chính hàng chục tỷ đồng đối với sai phạm về khối lượng, đơn giá các công trình (Phú Thọ; Yên Bái; Lào Cai; Sơn La; Điện Biên; Lai Châu);

- Tại các dự án của Chương trình MTQG tỉnh Phú Thọ công tác quản lý tiến độ một số công trình, dự án chậm tiến độ so Quyết định phê duyệt dự án ban đầu; chậm so với tiến độ theo hợp đồng đã ký, chủ đầu tư và nhà thầu ký phụ lục gia hạn hợp đồng nhưng chưa phân tích nguyên nhân và xác định

trách nhiệm các bên hoặc chưa ký kết phụ lục bổ sung và chưa xử phạt chậm tiến độ theo quy định của hợp đồng đã ký;

- Tại các dự án của Chương trình MTQG tỉnh Lào Cai và Lai Châu: Công tác lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán: Chất lượng công tác khảo sát, thiết kế tại một số dự án, công trình được kiểm toán còn có hạn chế, chưa đúng thực tế; chưa phù hợp với các tiêu chuẩn thiết kế, chưa tuân thủ đầy đủ quy định về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng dẫn đến trong quá trình thực hiện phải điều chỉnh, bổ sung;

- Tại Lào Cai: Tiến độ thi công tại một số công trình không đúng theo cam kết ban đầu phải gia hạn; chưa kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình; chưa kiểm tra biện pháp thi công xây dựng của nhà thầu so với thiết kế biện pháp thi công được phê duyệt; Tại một số công trình, các đơn vị có liên quan chưa thực hiện kiểm tra và chấp thuận vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình.

- Tại Yên Bái: Công tác thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án tại một số địa phương còn hạn chế dẫn đến phải điều chỉnh lại dự án, công trình hoặc phải tạm dừng thi công tại điểm dừng kỹ thuật do không bố trí đủ vốn.

- Một số công trình, dự án chậm tiến độ so Quyết định phê duyệt dự án ban đầu; chậm so với tiến độ theo hợp đồng đã ký, chủ đầu tư và nhà thầu ký phụ lục gia hạn hợp đồng nhưng chưa phân tích nguyên nhân và xác định trách nhiệm các bên hoặc chưa ký kết phụ lục bổ sung và chưa xử phạt chậm tiến độ theo quy định của hợp đồng đã ký.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Điện Biên: UBND tỉnh Điện Biên chưa phân cấp hoặc ủy quyền quyết định đầu tư theo cơ cấu nguồn vốn, dẫn đến việc Chủ tịch UBND cấp huyện tổ chức phê duyệt quyết định đầu tư; các văn bản hướng dẫn, quản lý chỉ đạo thực hiện Chương trình chưa phù hợp quy định.

- Về Chấp hành chế độ quản lý tài chính, kế toán: Đến thời điểm kiểm toán, Văn phòng Điều phối NTM một số tỉnh chưa lập Báo cáo tài chính Chương trình theo Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình; một số huyện/thành phố chưa gửi Báo cáo quyết toán NSDP (bao gồm cả Báo cáo quyết toán Chương trình MTQG) gửi Sở Tài chính để thẩm tra. Công tác kiểm soát chi chưa chặt chẽ, thanh toán chưa đúng đối tượng, nội dung Chương trình; thanh toán khi hồ sơ, chứng từ chưa đầy đủ; chưa đảm bảo theo quy định; chuyển nguồn không đúng quy định; chưa nhập dự toán vào hệ thống TABMIS²⁷; chưa hạch toán quyết toán mục lục ngân sách theo mã số tiểu nhiệm vụ thuộc Chương trình; hạch toán nhầm mã chương trình mục tiêu. Đơn vị chưa nhập mã Chương trình khi phân bổ và sử dụng dẫn đến số liệu cơ quan Kho bạc Nhà nước chênh lệch²⁸. Nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các huyện để thực hiện Chương trình chưa được hướng dẫn nhập mã số chương trình mục tiêu mà theo dõi riêng theo mã dự án hoặc loại khoản nội dung kinh tế sự nghiệp theo dự toán tỉnh giao, do đó việc theo dõi phân tán, khó khăn trong quản lý, tổng hợp báo cáo nguồn vốn hỗ trợ từng cấp NSDP.

1.4.3 Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế

Nguyên nhân khách quan

Điều kiện tự nhiên không thuận lợi, địa hình hiểm trở, chia cắt phức tạp, thời tiết khắc nghiệt, thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, lũ lụt, đòi hỏi suất đầu tư lớn.

Điều kiện kinh tế - xã hội của khu vực miền núi có xuất phát điểm thấp, mặt bằng dân trí nói chung còn hạn chế; hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu chưa đảm bảo; trình độ sản xuất của đồng bào vẫn còn dựa vào phương thức canh

²⁷ (1) Tỉnh Lai Châu: 495 triệu đồng (dự toán tỉnh giao 1.368 triệu đồng, thành phố phân bổ lại sử dụng 873 triệu đồng) do xã Sùng Phài sát nhập vào xã Nậm Loông, tỉnh bổ sung tăng dự toán cho thành phố nhưng chưa kịp thời sử dụng.

²⁸ Tỉnh Lai Châu: Xã Nậm Chà huyện Nậm Nhùn.

tác giản đơn, chủ yếu là quảng canh, tự cấp, tự túc, dựa vào thiên nhiên; ít có cơ hội tiếp cận việc làm phi nông nghiệp.

Khả năng tiếp nhận chính sách hỗ trợ của đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế, nhất là khó khăn về ngôn ngữ, trình độ giao tiếp; tâm lý của người dân tộc thiểu số không muốn xa nơi cư trú, nên hiệu quả công tác đào tạo nghề, xuất khẩu lao động đối với người dân tộc thiểu số chưa cao; việc tiếp nhận áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất của đồng bào còn hạn chế, dẫn đến hiệu quả sản xuất chưa cao.

Nguyên nhân chủ quan

Việc phân cấp trong quản lý còn chưa thực chất, năng lực cán bộ làm công tác quản lý, điều hành ở cấp huyện, xã còn yếu. Trong xây dựng cơ chế, chính sách quản lý, điều hành thực hiện các chương trình vẫn còn tình trạng chậm tiến độ; thiết kế chính sách đặc thù chưa phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng vùng dân tộc thiểu số;

Việc lập và giao dự toán do Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước nên ngân sách phải được lập từ dưới lên (xã lên huyện, huyện lên tỉnh, tỉnh lên trung ương) và khi giao nhiệm vụ thu, chi lại theo chiều ngược lại nên đây là một quy trình khó khăn, phức tạp, dẫn tới tình trạng dự toán ngân sách giao cho các đơn vị ngân sách cấp dưới không bảo đảm về chất lượng cũng như thời gian theo quy định.

Quỹ thời gian lập ngân sách, xem xét quyết định ngân sách ngắn, thời gian triển khai việc tổng hợp nhu cầu từ cơ sở và trình HĐND, UBND tỉnh xem xét quyết định kéo dài.

Cán bộ từ huyện đến xã thường xuyên thay đổi nên công tác tham mưu giúp việc trong chỉ đạo điều hành thiếu tính liên tục, kịp thời. Năng lực một số cán bộ còn nhiều hạn chế so với yêu cầu nhất là ở các tỉnh, huyện, xã nghèo miền núi, biên giới đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác chỉ đạo, điều

hành triển khai thực hiện các trương trình, dự án. Cán bộ giúp việc Ban Quản lý cấp xã để thực hiện đặc biệt là các Chương trình mục tiêu quốc gia chủ yếu làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, nên công tác tổng hợp báo cáo số liệu đôi khi chưa đầy đủ, còn có tâm lý sợ sai, sợ trách nhiệm, né tránh.

Số lượng các văn bản quản lý đến nay cơ bản đã hoàn thành, nhưng qua giám sát nhiều địa phương phản ánh số lượng văn bản quá nhiều, tuy nhiên nhiều nội dung hướng dẫn chưa rõ ràng, khó thực hiện, mặc dù đã được sửa đổi, bổ sung nhưng địa phương vẫn không triển khai thực hiện được. Đối với CTMTQG việc thực hiện lồng ghép nguồn lực thực hiện các chương trình MTQG còn nhiều hạn chế, chưa được hướng dẫn cụ thể, khó khăn trong tổ chức thực hiện.

Chính phủ, các bộ ngành trung ương ban hành văn bản hướng dẫn và giao vốn kế hoạch trung hạn vốn đầu tư và hàng năm còn chậm, một số nhiệm vụ bổ sung có mục tiêu được Bộ Tài chính bổ sung dự toán vào cuối năm do vậy các địa phương triển khai và giải ngân vốn không kịp thời trong năm; Nhiều nội dung khi giao vốn không phù hợp, không có đối tượng để thực hiện, một số chính sách an sinh xã hội liên quan đến các đối tượng hộ nghèo, dân tộc thiểu số và các đối tượng ưu tiên khác cần phải chi trả kịp thời để đảm bảo nhiệm vụ chính trị của địa phương, trong khi Bộ Tài chính bổ sung nguồn không kịp thời nên tỉnh phải sử dụng từ các nguồn khác để thực hiện.

Các chương trình mục tiêu quốc gia chưa đáp ứng được yêu cầu, phân bổ vốn còn manh mún, chưa phù hợp với đặc thù từng vùng, miền, thiếu cơ sở thực tiễn dẫn đến không có đối tượng để thực hiện, hoặc có đối tượng nhưng không thực hiện được do không còn nhu cầu (nhất là vốn sự nghiệp).

Mặc dù Chính phủ đã có rất nhiều nỗ lực, cố gắng kiểm tra, giám sát, kịp thời nắm bắt những vướng mắc để chỉ đạo tháo gỡ, nhưng vẫn còn một số bộ, ngành chưa sâu, sát, đánh giá, nắm bắt, tham mưu, xây dựng văn bản chưa kịp thời và bám sát với tình hình thực tế, một số nguồn kinh phí các địa

phương còn dư chưa thực hiện được đã có văn bản xin ý kiến Bộ Tài chính cho phép chuyển nguồn, tuy nhiên Bộ Tài chính chưa có ý kiến kịp thời.

Một số công trình, dự án chậm tiến độ so Quyết định phê duyệt dự án ban đầu; chậm so với tiến độ theo hợp đồng đã ký, chủ đầu tư và nhà thầu ký phụ lục gia hạn hợp đồng nhưng chưa phân tích nguyên nhân và xác định trách nhiệm các bên hoặc chưa ký kết phụ lục bổ sung và chưa xử phạt chậm tiến độ theo quy định của hợp đồng đã ký.

Việc quy định cơ chế tạm ứng, thanh toán đối với nội dung hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số cũng gây khó khăn trong việc thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ này.

CHƯƠNG 2

NHỮNG GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

2.1 Giải pháp trong việc nâng cao chất lượng xây dựng dự toán và phân bổ nguồn kinh phí

Lập dự toán NSNN là khâu mở đầu của quy trình ngân sách nhằm xác định các mục tiêu, nhiệm vụ động viên nguồn lực cho ngân sách và phân phối các nguồn lực. Do đó, cần phải các cơ quan từ Trung ương đến địa phương cần nâng cao hiệu quả của công tác lập dự toán, đồng thời phải đảm bảo tính kịp thời, hiệu quả trong chi tiêu ngân sách, đây là yêu cầu đầu tiên của việc lập dự toán.

Đối với các cơ quan Trung ương, khi xây dựng tiêu chí phân bổ vốn cần tuân thủ nguyên tắc xây dựng xây tiêu chí phân bổ dự toán như sau:

- Đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và quy định của pháp luật khác có liên quan; đúng Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ĐTPT, chi thường xuyên NSNN;

- Quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN;

- Xây dựng các tiêu chí sát khả năng thực hiện, hạn chế tối đa việc hủy dự toán và chuyển nguồn sang năm sau tạo tiền đề cho việc triển khai thực hiện dự toán đúng thời gian quy định và hạn chế việc chuyển nguồn sang các năm sau;

- Ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đặc biệt khó khăn, còn khó khăn, biên giới, hải đảo; Tiêu chí phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, kiểm tra và giám sát;

- Bảo đảm công bằng, công khai và minh bạch;

- Tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chi ngân sách nhà nước.

Đối với các địa phương, cần bám sát các tiêu chí, định mức xây dựng dự toán kịp một cách kịp thời theo từng nguồn bổ sung có mục tiêu được cấp trên phân bổ; Ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đặc biệt khó khăn, còn khó khăn, biên giới, hải đảo. Bên cạnh đó, để lập dự toán và phân bổ nguồn vốn đúng đối tượng, số lượng tiếp nhận nguồn kinh phí thì phải quản lý chặt chẽ từ khâu rà soát, xác định số lượng đối tượng thụ hưởng các chính sách đảm bảo xác thực, để có thể thực hiện quản lý công tác thống kê từ cơ sở (các xã, phường, thị trấn..), đơn vị (các trường học...) đảm bảo phù hợp với đối tượng, số lượng tiếp nhận nguồn kinh phí.

Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, sử dụng ngân sách nhằm tiết kiệm chi phí, tăng cường hiệu quả sử dụng NSNN. Áp dụng công nghệ thông tin vào công tác lập và xây dựng dự toán bằng cách sử dụng các phần mềm xây dựng dự toán đối với các tiêu chuẩn định mức đã được quy định đặc biệt là trong công tác xây dựng dự toán đối với các dự án, công trình nhằm tăng cường hiệu quả, tiết kiệm thời gian, chi phí lập và xây dựng dự toán.

Bên cạnh đó, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ cũng cần được tăng cường trao dồi nâng cao khả năng từ chuyên môn đến công nghệ thông tin. Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ ở nước ta chưa đồng đều, đặc biệt là ở các huyện, xã vùng sâu, đội ngũ cán bộ chuyên môn trình độ chưa cao vì vậy cần phải

tăng cường đào tạo nâng cao cả về phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn của các cán bộ, công chức, thường xuyên tổ chức tập huấn các cơ chế, chính sách quản lý từng nguồn kinh phí được hỗ trợ để các đơn vị nắm bắt và thực hiện đúng quy định:

- Tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận, trình độ nghiệp vụ và trình độ chuyên môn để làm tốt nhiệm vụ được giao; nghiên cứu kỹ các Luật, các văn bản hướng dẫn về nghiệp vụ chuyên môn.

- Chủ động trao đổi với đồng nghiệp, đặc biệt là những cán bộ có kinh nghiệm lâu năm để tiếp cận thực tiễn, bổ sung kinh nghiệm trong xử lý công việc và phát huy khả năng bản thân.

- Luôn có sự phối hợp chặt chẽ với đồng nghiệp, giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất để vừa nâng cao hiệu quả công tác của bản thân, vừa phục vụ tích cực cho hoạt động, mục tiêu chung của đơn vị.

- Tham gia nghiên cứu khoa học để có trình độ chuyên sâu về các lĩnh vực chuyên môn.

- Tăng cường trao dồi thêm tin học, ngoại ngữ để ứng dụng thành thạo vì tính phục vụ tốt quá trình làm việc.

Bên cạnh đó, KTNN cần tăng cường việc kiểm toán, tham gia ý kiến ngay từ khâu lập dự toán NSNN nhằm nhắc nhở, cảnh báo từ khâu lập dự toán để đơn vị có thể xây dựng dự toán phù hợp với quy định.

2.2 Giải pháp khắc phục trong việc phân bổ chậm, chưa phân bổ, giao ngay từ đầu năm, phân bổ sai nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu

Để khắc phục tình trạng phân bổ chậm, chưa phân bổ, giao từ đầu năm hay phân bổ sai nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu, các cơ quan quản lý nhà nước cần phải quản lý chặt chẽ từ khâu lập dự toán, có sự phối hợp từ Trung ương đến địa phương; Đối với việc lồng ghép nguồn vốn giữa các chương

trình mục tiêu quốc gia Chính phủ cần có quy định, hướng dẫn cụ thể hơn để việc triển khai được thực hiện một cách có hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý kinh phí bổ sung có mục tiêu; đơn giản hóa cao nhất về trình tự thủ tục; tăng cường giám sát, chống thất thoát, lãng phí.

2.2.1 Quy định, hướng dẫn cụ thể lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia

Việc phân bổ nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu được dựa trên dự toán được giao, do đó việc xây dựng dự toán hợp lý, sát với thực tế, phù hợp định mức tạo tiền đề cho việc phân bổ nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu kịp thời, đúng quy định. Bên cạnh đó, việc lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia mới chỉ được quy định chung chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể cho việc thực hiện lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia dẫn đến khó khăn trong quá trình thực hiện, vì vậy để triển khai thực hiện đồng bộ việc lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, Chính phủ cần ban hành các quy định, hướng dẫn cụ thể việc thực hiện lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia nhằm tạo cơ sở pháp lý và đồng nhất trong việc thực hiện. Việc quy định, hướng dẫn cụ thể lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia theo nguyên tắc:

- Lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia phải được thực hiện đồng bộ từ khâu xây dựng chính sách, lập kế hoạch, phân bổ, giao dự toán ngân sách và sử dụng, thanh toán, quyết toán nguồn vốn.

- Lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia chỉ thực hiện trong trường hợp có sự trùng lặp đồng thời về nội dung, đối tượng và phạm vi, địa bàn thực hiện. Việc lồng ghép phải đảm bảo không làm thay đổi các mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình.

- Ưu tiên lồng ghép nguồn vốn các chương trình, dự án khác không thuộc chương trình mục tiêu quốc gia nhưng có cùng mục tiêu, đối tượng thụ hưởng, nội dung hoạt động và được thực hiện trên cùng một địa bàn cấp huyện, cấp xã để phát huy hiệu quả của các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Vốn lồng ghép từ chương trình, dự án khác để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia không thuộc vốn đối ứng từ ngân sách địa phương để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định.

- Tập trung lồng ghép các nguồn vốn thực hiện nội dung, hoạt động trên địa bàn các huyện nghèo; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Lấy nội dung, hoạt động, dự án đầu tư thuộc chương trình mục tiêu quốc gia làm trọng tâm để thực hiện việc lồng ghép nguồn vốn. Xác định rõ tỷ lệ huy động, đóng góp vốn từng chương trình, dự án được lồng ghép. Thực hiện thống nhất định mức chi theo từng nội dung, hoạt động được lồng ghép; thống nhất quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán vốn lồng ghép phù hợp với thực tế tại địa phương. Mức hỗ trợ thực hiện trên địa bàn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được áp dụng theo định mức chi cao nhất theo quy định hiện hành.

- Phân công, phân cấp rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp trong thực hiện hoạt động lồng ghép.

2.2.2 Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền

Đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp chính quyền trong quản lý sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu. Đẩy mạnh và hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền nhằm phân định rõ nhiệm vụ và quyền hạn, thẩm quyền và trách nhiệm giữa Chính phủ với các bộ, ngành; giữa Chính phủ, Thủ tướng

Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương gắn với hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch bảo đảm phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, nhất là người đứng đầu; đồng thời, tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực hiện quyền lực Nhà nước chặt chẽ bằng các quy định của Đảng, của pháp luật. Căn cứ vào yêu cầu công tác, khả năng thực hiện và điều kiện, tình hình cụ thể của từng địa phương, cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương được quyền phân cấp cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan nhà nước cấp dưới thực hiện một cách liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của mình. Cơ quan nhà nước cấp trên khi phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan nhà nước cấp dưới phải bảo đảm các nguồn lực và điều kiện cần thiết khác để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn mà mình phân cấp; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn mà mình phân cấp. Cơ quan nhà nước được phân cấp chịu trách nhiệm trước cơ quan nhà nước đã phân cấp về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp. Căn cứ tình hình cụ thể ở địa phương, cơ quan nhà nước ở địa phương có thể phân cấp tiếp cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan nhà nước cấp dưới thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn đã được cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp nhưng phải được sự đồng ý của cơ quan nhà nước đã phân cấp. Việc phân cấp phải bảo đảm các nguyên tắc của Luật Tổ chức chính quyền địa phương:

- Việc phân quyền cho các cấp chính quyền địa phương phải được quy định trong luật. Trong trường hợp này, luật phải quy định nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể mà chính quyền địa phương không được phân cấp, ủy quyền cho cơ quan nhà nước cấp dưới hoặc cơ quan, tổ chức khác.

- Chính quyền địa phương tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền.

- Cơ quan nhà nước cấp trên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra tính hợp hiến, hợp pháp trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền cho các cấp chính quyền địa phương.

- Các luật khi quy định nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương, của các cơ quan thuộc chính quyền địa phương phải bảo đảm các nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật này và phù hợp với các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương quy định tại Luật này.

2.2.3 Đơn giản hóa thủ tục, tăng cường kiểm tra, giám sát

Đơn giản hóa trình tự thủ tục giúp gỡ bỏ những rào cản về thủ tục hành chính rút ngắn thời gian thủ tục phân bổ kinh phí bổ sung có mục tiêu. Việc đơn giản hóa cao nhất về trình tự thủ tục cũng sẽ giúp cắt giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính tiết kiệm chi phí, thủ tục làm tăng hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu.

Bên cạnh đó, các cơ quan quản lý cần tăng cường giám sát, chống thất thoát, lãng phí, thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính, kế toán tại cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu. Việc thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán trong quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu nhằm mục đích:

- Đánh giá tình hình triển khai chấp hành dự toán kinh phí bổ sung có mục tiêu của đơn vị theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, tình hình chấp hành công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của đơn vị.

- Đánh giá chất lượng hoạt động, tình hình chấp hành cơ chế chính sách, quản lý và sử dụng nguồn thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên.

- Phát hiện và chấn chỉnh kịp thời các sai phạm, áp dụng các biện pháp xử lý các sai phạm theo đúng thẩm quyền đã được phân cấp. Đồng thời tổ chức rút kinh nghiệm, đánh giá những tồn tại, tìm ra nguyên nhân và đưa ra phương hướng, biện pháp khắc phục nhằm tăng cường công tác quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu.

Nhiệm vụ và yêu cầu của công tác tự kiểm tra tài chính, kế toán:

- Kiểm tra tính hợp pháp của các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh; tính hiệu lực, hiệu quả của các hoạt động tài chính, kế toán tại đơn vị, của công tác tổ chức và điều hành hoạt động thực hiện nhiệm vụ được giao và các hoạt động khác.

- Kiểm tra, kiểm soát chất lượng và độ tin cậy của các thông tin kinh tế tài chính của đơn vị được cung cấp thông qua báo cáo tài chính và các báo cáo khác.

- Kiểm tra sự tuân thủ các cơ chế tài chính, các chế độ chính sách của Nhà nước liên quan đến tình hình chi tiêu ngân sách nhà nước và các quỹ tại đơn vị. Kiểm tra và đánh giá hiệu quả của việc chi tiêu ngân sách nhà nước trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao tại đơn vị.

- Xây dựng báo cáo về kết quả kiểm tra, tình hình xử lý các vi phạm đã được phát hiện trong năm hoặc các lần kiểm tra trước đó.

- Trường hợp tự kiểm tra định kỳ, công tác tự kiểm tra tài chính, kế toán phải được lập kế hoạch và tiến hành theo đúng trình tự quy định, có các bước công việc và phương pháp thực hiện riêng biệt đảm bảo tính phù hợp trong các hoàn cảnh khác nhau.

- Đơn vị phải thông báo hoặc công khai cho các đối tượng liên quan trong đơn vị được biết trước khi tiến hành kiểm tra nhằm hạn chế sự lệch hướng trong quá trình kiểm tra và không bị thiên lệch theo ý chí chủ quan của người kiểm tra.

- Quá trình thực hiện tự kiểm tra luôn phải chấp hành theo quy định của các chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước, phải phân biệt rõ ràng, minh bạch những việc làm đúng và những việc làm sai. Những sai phạm đều phải được làm rõ, tìm ra nguyên nhân, quy trách nhiệm cụ thể đối với tổ chức, cá nhân mắc sai phạm.

- Quá trình thực hiện tự kiểm tra luôn phải đảm bảo tính khách quan từ khâu tổ chức thực hiện các nghiệp vụ kiểm tra đến khâu đưa ra kết luận về kết quả kiểm tra.

- Công tác tự kiểm tra tài chính, kế toán phải đảm bảo tính liên tục, thường xuyên, không được tạo nên sự gò ép, căng thẳng đối với cán bộ, viên chức trong đơn vị. Cần có biện pháp giáo dục, tuyên truyền để mọi người đều có trách nhiệm tham gia công tác tự kiểm tra tài chính, kế toán.

- Những kết luận của việc tự kiểm tra phải được nêu rõ ràng, chính xác và chặt chẽ. Mỗi điểm kết luận phải có tài liệu chứng minh. Tùy hình thức kiểm tra để có kết luận kiểm tra phù hợp, có thể kết luận từng phần hoặc toàn bộ công tác tài chính, kế toán của đơn vị.

- Trong các đợt kiểm tra phải lập biên bản kiểm tra và sau mỗi đợt kiểm tra, bộ phận kiểm tra phải lập báo cáo kiểm tra. Báo cáo kiểm tra phải nêu từng bước của quá trình kiểm tra, nội dung và các phần hành của công việc kiểm tra. Trong các báo cáo phải nêu ra những tồn tại và các kiến nghị sửa chữa, khắc phục.

Các đơn vị cần có những biện pháp kiểm tra chéo giữa các bộ phận thực hiện công tác tài chính, kế toán, hoặc kiểm tra tuần tự giữa các khâu từ lập, phân bổ, giao dự toán đến thực hiện và quyết toán trong hoạt động quản lý và sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu của đơn vị nhằm tăng cường tính tự giác của cán bộ, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, đồng thời kịp thời phát hiện những sai phạm của các cá nhân, các khâu tổ chức công việc.

2.3 Giải pháp đối với việc quyết toán không hết nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu phân bổ từ đầu năm

Việc quyết toán không hết nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu là hệ quả của nhiều nguyên nhân từ khâu xây dựng dự toán không hợp lý, chậm trễ trong việc phân bổ vốn bổ, tiến độ thực hiện chậm,... dẫn đến tình trạng phải chuyển nguồn sang năm sau hoặc để kết dư đối với nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên. Do đó, để khắc phục tình trạng này UBND các cấp phải chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát kỷ cương, kỷ luật của các cơ quan chức năng trong công tác quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu từ khâu lập, phân bổ, giao dự toán đến thực hiện và quyết toán.

Đề cao trách nhiệm người đứng đầu và trách nhiệm cá nhân của cán bộ, công chức cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong xử lý công việc; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; trực tiếp, chủ động, tích cực tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả những nhiệm cơ quan cấp trên các cấp giao, đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng. Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động công vụ, nhất là kiểm tra đột xuất; phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị thanh tra, kiểm tra nội bộ để kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân làm tốt, xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân làm chưa tốt. Kịp thời rà soát, thay thế hoặc điều chuyển sang công việc khác đối với cán bộ, công chức năng lực yếu, không đáp ứng yêu cầu công việc được giao.

Đảm bảo thứ tự ưu tiên bố trí vốn và khắc phục tình trạng phân bổ vốn dàn trải, nhiều lần trong năm. Việc quản lý và sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu phải bám sát dự toán được cấp có thẩm quyền quyết định, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, tránh tình trạng chi không đúng nguồn kinh phí,

khắc phục tình trạng chi chuyển nguồn và để kết dư các khoản bổ sung có mục tiêu sai quy định gây lãng phí NSNN.

Các đơn vị sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu cần công khai ngân sách trên tất cả các khâu: lập, giao, phân bổ dự toán và quyết toán chi ngân sách theo đúng qui chế dân chủ và công khai ngân sách. Việc công khai nhằm đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của người dân và là điều kiện để người dân đóng góp ý kiến cũng như tham gia giám sát việc huy động và sử dụng NSNN, tránh lãng phí, tham nhũng. Nội dung công khai bao gồm: số liệu và báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước trình Quốc hội, Hội đồng nhân dân, dự toán đã được cấp có thẩm quyền quyết định, tình hình thực hiện ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước; kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước. Việc công khai ngân sách nhà nước được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức: công bố tại kỳ họp, niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát hành ấn phẩm; thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; đưa lên trang thông tin điện tử; thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đối với tổ chức, cơ quan, đơn vị có cổng thông tin điện tử thì phải thực hiện công khai ngân sách qua Cổng thông tin điện tử của tổ chức, cơ quan, đơn vị mình.

Bên cạnh đó, KTNN cũng cần tăng cường thực hiện các cuộc kiểm toán Báo cáo quyết toán nhằm phát hiện và kịp thời kiến nghị đối với các khoản kinh phí bổ sung có mục tiêu được chuyển nguồn hoặc để kết dư không đúng quy định.

2.4 Các giải pháp khác nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu

2.4.1 Nâng cao năng lực, chất lượng của hoạt động kiểm toán đối với việc quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu

Hoàn thiện các hướng dẫn, đề cương, thủ tục kiểm toán đối với kiểm toán kinh phí bổ sung có mục tiêu

Việc đánh giá quản lý và sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu luôn được KTNN xác định là nội dung kiểm toán trọng yếu tại các văn bản hướng dẫn mục tiêu, trọng yếu và nội dung kiểm toán chủ yếu hàng năm của KTNN. Kinh phí bổ sung có mục tiêu là một trong những nội dung trọng yếu và được hướng dẫn thực hiện kiểm tra trong hướng dẫn kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương do thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số chi của ngân sách địa phương. Riêng đối với nội dung kiểm toán chương trình mục tiêu quốc gia, KTNN đã ban hành Quyết định hướng dẫn kiểm toán chương trình mục tiêu quốc gia của KTNN đã cơ bản hướng dẫn được quy trình kiểm toán đối với kiểm toán CTMTQG. Tuy nhiên, các văn bản hướng dẫn về kiểm toán kinh phí bổ sung có mục tiêu chỉ đang hướng dẫn về kiểm toán tài chính và kiểm toán tuân thủ, trong thực tế các cuộc kiểm toán trước đây chủ yếu là kiểm toán báo cáo tài chính và kiểm toán tuân thủ, các cuộc kiểm toán hoạt động chưa được tổ chức riêng mà chỉ được lồng ghép kiểm toán hoạt động trong một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính và kiểm toán tuân thủ. Do đó, kiểm toán nhà nước cần hoàn thiện các hướng dẫn chi tiết về kiểm toán hoạt động đối với kinh phí bổ sung có mục tiêu, đặc biệt đối với các CTMTQG để tạo cơ sở cho việc đánh giá hiệu quả của các chương trình MTQG nhằm phục vụ hoạt động giám sát tối cao của Quốc hội đối với chủ đề việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các CTMTQG.

Tổ chức các lớp đào tạo nâng cao năng lực cho các kiểm toán viên về kiểm toán kinh phí bổ sung có mục tiêu

Tăng cường tổ chức các lớp đào tạo của ngành, đặc biệt ưu tiên các kiểm toán viên trẻ, ít kinh nghiệm về kiểm toán kinh phí bổ sung có mục tiêu nhằm nâng cao năng lực và hiểu biết về kiểm toán kinh phí bổ sung có mục tiêu. Bên cạnh đó các đơn vị kiểm toán tổ chức các lớp đào tạo nội bộ của đơn vị để các kiểm toán viên có kinh nghiệm và có các kết quả xuất sắc chia sẻ kinh nghiệm và các phát hiện mới trong quá trình kiểm toán thực tế.

2.4.2 Tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong công tác sử dụng ngân sách

Các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương và các đơn vị sử dụng ngân sách cần tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý, sử dụng NSNN; đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong quản lý, sử dụng NSNN; đồng thời khắc phục triệt để các sai phạm xảy ra trong quá trình quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu như như: xây dựng dự toán chưa đúng đối tượng, nhiệm vụ được giao; giao dự toán chậm, không phân bổ từ đầu năm; phân bổ vốn đầu tư chậm; giải ngân vốn đầu tư phát triển chậm; chi sai chế độ, tiêu chuẩn định mức...; Nâng cao chất lượng xây dựng dự toán NSNN, bảo đảm dự toán chi NSNN sát thực tế, phù hợp với khả năng của NSNN và đúng theo quy định của pháp luật, chủ trương, định hướng, mục tiêu của Đảng, Nhà nước, triệt để tiết kiệm.

Kiểm soát chi ngân sách chặt chẽ, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Thực hiện nhiệm vụ chi theo đúng nguồn kinh phí được giao; trường hợp không còn nhiệm vụ chi, phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định. Không được chi sai nguồn; mượn nguồn của các cấp ngân sách khi chưa được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền; không thực hiện các khoản chi ngoài dự toán, các khoản chi trái quy định của pháp luật, sử dụng ngân sách để cho vay, tạm ứng đối với những việc, nội dung sai chế độ quy định.

Bộ Tài chính phối hợp chặt chẽ với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và thực hiện công khai, minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước, đảm bảo chi ngân sách nhà nước theo dự toán, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi và quy định pháp luật. Xử lý nghiêm về tài chính theo quy định đối với các sai phạm trong quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản của nhà nước đã được cơ quan kiểm toán, thanh tra phát hiện, kiến nghị.

2.4.3. Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, nâng cao vai trò giám sát của các tổ chức, đoàn thể quần chúng và nhân dân

Cán bộ, công chức, người lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức có các quyền thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức đại diện người lao động, tổ chức nghề nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật; yêu cầu và tham gia đối thoại, thực hiện quy chế dân chủ, thương lượng tập thể với người sử dụng lao động và được tham vấn tại nơi làm việc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình. Các cơ quan, tổ chức sử dụng lao động có trách nhiệm quy định cụ thể trong quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc theo nguyên tắc:

- Thiện chí, hợp tác, trung thực, bình đẳng, công khai và minh bạch.
- Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, người sử dụng lao động và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.
- Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc không được trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Ngoài công tác tự kiểm tra, việc giám sát của các tổ chức, đoàn thể quần chúng và nhân dân mang tính khách quan và đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu, các nhiệm vụ chi của nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu đa số là các nhiệm vụ chi cho

người dân hoặc có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nhân dân, đặc biệt là hai chương trình mục tiêu quốc gia nhằm hỗ trợ và nâng cao đời sống cho nhân dân. Do đó việc tăng cường và mở rộng thực hành dân chủ, phát huy vai trò của nhân dân là vô cùng quan trọng và đây cũng là quan điểm xuyên suốt của Đảng ta, "dân là gốc" của mọi chủ trương, đường lối, chính sách. Thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội, thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội các cấp, những ý kiến của nhân dân được các cấp ủy đảng, chính quyền ghi nhận, tiếp thu, phát huy mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân, góp phần quan trọng xây dựng sự đồng thuận xã hội.

Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức thực hiện nghiêm túc việc tiếp dân định kỳ hoặc đột xuất để tiếp nhận thông tin, lắng nghe, đối thoại trực tiếp và xử lý những phản ánh, kiến nghị của nhân dân, nhất là những biểu hiện suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, đảng viên". Quá trình thực hiện nhiệm vụ có sơ kết, tổng kết, điều chỉnh, bổ sung giải pháp phù hợp tình hình, nhiệm vụ của địa phương, đơn vị và coi đó là một trong những tiêu chí đánh giá hiệu quả lãnh đạo điều hành.

Việc phối hợp với báo chí cũng đã mang lại nhiều kết quả trong giám sát, đấu tranh ngăn chặn quan liêu, tham nhũng, lãng phí, những biểu hiện về suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong cán bộ, đảng viên. Triển khai có hiệu quả Giải báo chí Toàn quốc "Báo chí với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí".

2.4.4 Đối với đơn vị quản lý cấp trên

Giám sát chặt chẽ từ khâu lập dự toán đến quyết toán.

Các cơ quan quản lý cấp trên cần tăng cường kiểm tra, giám sát, bảo đảm quản lý thống nhất từ khâu lập dự toán đến quyết toán, đồng thời phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm.

Khâu lập dự toán: Cơ quan tài chính các cấp ở địa phương xem xét dự toán ngân sách của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cùng cấp, dự toán ngân sách địa phương cấp dưới; chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan trong việc tổng hợp, lập dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp mình

Cơ quan quản lý cấp trên giao phân bổ, giao dự toán cho đơn vị cấp dưới cần giao sớm từ đầu năm, tránh tình trạng phân bổ, giao dự toán dàn trải trong năm gây khó khăn cho việc thực hiện của đơn vị cấp dưới. Các bộ, ngành trung ương kịp thời có các ý kiến trả lời đối với các văn bản của địa phương xin đề nghị kéo dài thực hiện của các CTMTQG và NSTW bổ sung có mục tiêu.

Giám sát quá trình phân bổ dự toán bám sát các tiêu chuẩn, định mức chi tiêu, đảm bảo bố trí kinh phí hợp lý, tiết kiệm có hiệu quả.

Đơn vị dự toán cấp trên xét duyệt quyết toán của đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc phải xét duyệt từng khoản thu, chi phát sinh tại đơn vị, Các khoản chi phải bảo đảm các điều kiện chi quy định, định mức; phải hạch toán theo đúng chế độ kế toán nhà nước, đúng mục lục ngân sách nhà nước, đúng niên độ ngân sách; Các chứng từ thu, chi phải hợp pháp, số liệu trong sổ kế toán và báo cáo quyết toán phải khớp với chứng từ và khớp với số liệu của Kho bạc Nhà nước.

KẾT LUẬN

Từ các kết quả kiểm toán cho thấy, việc quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được thực hiện theo Luật ngân sách nhà nước góp phần giải quyết các nhiệm vụ cấp bách một cách kịp thời và hiệu quả, đặc biệt là chương trình mục tiêu quốc gia góp phần xóa đói, giảm nghèo và nâng cao chất lượng cuộc sống của các hộ nghèo tại vùng sâu, vùng xa, dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, thông qua hoạt động kiểm toán cũng đã phát hiện một số tồn tại và hạn chế trong việc quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu: Xây dựng dự toán không đúng đối tượng, số lượng tiếp nhận nguồn kinh phí, Chưa phân bổ, giao ngay từ đầu năm nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu, Việc quyết toán không hết nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu phân bổ từ đầu năm, thanh toán sai khối lượng; đơn giá các công trình,... Qua đó ban đề tài đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng trong công tác quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu.

Biểu tổng hợp dự toán bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương*Đơn vị tính: triệu đồng*

Tỉnh	2017	2018			2019			2020			2021		
		Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định và một số CTMT	Bổ sung vốn thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định và một số CTMT	Bổ sung vốn thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định và một số CTMT	Bổ sung vốn thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định và một số CTMT	Bổ sung vốn thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia
Điện Biên	1.165.484	1.230.299	440.031	601.848	478.004	563.913	906.008	674.500	643.084	1.108.370	1.735.798	407.932	
Lai Châu	829.375	1.198.265	292.840	450.419	497.570	503.107	728.946	646.855	546.706	1.046.818	980.917	332.592	
Lào Cai	1.744.104	1.427.702	270.605	621.511	871.261	338.372	770.228	1.419.147	587.068	1.094.087	1.419.037	358.913	
Phú Thọ	1.545.044	1.415.793	339.307	403.728	804.942	373.820	527.139	991.066	465.266	1.005.224	1.510.426	268.391	
Sơn La	1.510.241	1.287.020	625.451	645.498	657.520	843.890	1.035.798	1.092.483	861.021	1.463.983	1.754.054	572.435	
Yên Bái	1.215.116	937.187	396.975	405.774	891.835	574.223	592.683	1.304.805	625.084	847.815	1.403.487	369.789	

Biểu tổng hợp quyết toán kinh phí bổ sung có mục tiêu của 6 tỉnh từ năm 2017 - 2021*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	TỈNH. THÀNH PHỐ	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)
		TỔNG SỐ	BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU		TỔNG SỐ	BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU		TỔNG SỐ
			TRONG ĐÓ: VỐN NGOÀI NƯỚC	THỰC HIỆN NHỮNG NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG		TRONG ĐÓ: VỐN NGOÀI NƯỚC	THỰC HIỆN NHỮNG NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG	
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ							
I	Năm 2017	14.579	2.729	11.850	15.718	2.225	13.494	108
1	Lào Cai	2.434	811	1.623	2.377	635	1.742	98
2	Yên Bái	2.098	587	1.511	2.154	381	1.773	103
3	Phú Thọ	2.407	530	1.877	2.773	505	2.267	115
4	Sơn La	4.096	371	3.725	4.229	317	3.913	103
5	Lai Châu	1.456	39	1.417	1.703	75	1.629	117
6	Điện Biên	2.088	391	1.697	2.483	313	2.171	119
II	Năm 2018	14.579	2.729	11.850	15.718	2.225	13.494	108
1	Lào Cai	2.434	811	1.623	2.377	635	1.742	98
2	Yên Bái	2.098	587	1.511	2.154	381	1.773	103
3	Phú Thọ	2.407	530	1.877	2.773	505	2.267	115

STT	TỈNH. THÀNH PHỐ	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)
		TỔNG SỐ	BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU		TỔNG SỐ	BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU		TỔNG SỐ
			TRONG ĐÓ: VỐN NGOÀI NƯỚC	THỰC HIỆN NHỮNG NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG		TRONG ĐÓ: VỐN NGOÀI NƯỚC	THỰC HIỆN NHỮNG NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG	
A	B	1	2	3	4	5	6	7
4	Sơn La	4.096	371	3.725	4.229	317	3.913	103
5	Lai Châu	1.456	39	1.417	1.703	75	1.629	117
6	Điện Biên	2.088	391	1.697	2.483	313	2.171	119
III	Năm 2019	15.127.550		15.127.550	15.334.089	1.325.554	14.008.535	101
1	Lào Cai	2.416.210		2.416.210	2.163.330	322.712	1.840.618	90
2	Yên Bái	2.571.146		2.571.146	2.512.551	348.892	2.163.659	98
3	Phú Thọ	2.245.474		2.245.474	2.024.529	204.164	1.820.365	90
4	Sơn La	3.416.082		3.416.082	4.018.339	245.480	3.772.859	118
5	Lai Châu	1.979.928		1.979.928	1.915.990	28.403	1.887.587	97
6	Điện Biên	2.498.711		2.498.711	2.699.350	175.903	2.523.447	108
IV	Năm 2020	17.870.673		17.870.673	18.270.611	1.370.333	16.900.278	102
1	Lào Cai	2.994.047		2.994.047	2.974.045	284.999	2.689.046	99
2	Yên Bái	2.849.934		2.849.934	3.057.812	495.426	2.562.386	107
3	Phú Thọ	2.978.219		2.978.219	3.087.518	204.374	2.883.144	104
4	Sơn La	3.641.688		3.641.688	3.807.076	323.424	3.483.652	105
5	Lai Châu	2.602.240		2.602.240	2.475.893	37.353	2.438.540	95
6	Điện Biên	2.804.545		2.804.545	2.868.267	24.757	2.843.510	102
V	Năm 2021	12.606.843		12.606.843	11.991.022	839.433	11.151.589	95
1	Lào Cai	1.986.485		1.986.485	1.894.245	172.690	1.721.555	95

STT	TỈNH. THÀNH PHỐ	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)
		TỔNG SỐ	BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU		TỔNG SỐ	BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU		TỔNG SỐ
			TRONG ĐÓ: VỐN NGOÀI NƯỚC	THỰC HIỆN NHỮNG NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG		TRONG ĐÓ: VỐN NGOÀI NƯỚC	THỰC HIỆN NHỮNG NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG	
A	B	1	2	3	4	5	6	7
2	Yên Bái	2.172.470		2.172.470	2.063.911	284.101	1.779.810	95
3	Phú Thọ	1.869.561		1.869.561	1.456.489	109.502	1.346.987	78
4	Sơn La	2.659.900		2.659.900	2.460.979	67.400	2.393.579	93
5	Lai Châu	1.417.537		1.417.537	1.571.952	32.725	1.539.227	111
6	Điện Biên	2.500.890		2.500.890	2.543.446	173.015	2.370.431	102

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội. 2015. *Luật số 83/2015/QH13 ban hành ngày 25 tháng 06 năm 2015 Luật Ngân sách nhà nước.*
2. Chính phủ. 2016. *Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ban hành ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước.*
3. Bộ Tài chính. 2016. *Thông tư số 342/2016/TT-BTC ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước.*
4. Bộ Tài chính. 2016. *Thông tư số 326/2016/TT-BTC ban hành ngày 23 tháng 12 năm 2016 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2017.*
5. Bộ Tài chính. 2017. *Thông tư số 132/2017/TT-BTC ban hành ngày 15 tháng 12 năm 2017 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018.*
6. Bộ Tài chính. 2018. *Thông tư số 119/2018/TT-BTC ban hành ngày 05 tháng 12 năm 2018 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.*
7. Bộ Tài chính. 2019. *Thông tư số 88/2019/TT-BTC ban hành ngày 24 tháng 12 năm 2019 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.*
8. Bộ Tài chính. 2020. *Thông tư số 109/2020/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 12 năm 2020 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.*
9. Kiểm toán nhà nước khu vực VII. 2017. *Báo Cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016 của tỉnh Điện Biên.*
10. Kiểm toán nhà nước khu vực VII. 2017. *Báo Cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016 của tỉnh Lào Cai.*

11. Kiểm toán nhà nước khu vực VII. 2017. *Báo Cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016 của tỉnh Phú Thọ.*
12. Kiểm toán nhà nước khu vực VII. 2017. *Báo Cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2016 của tỉnh Sơn La.*
13. Kiểm toán nhà nước khu vực VII. 2018. *Báo Cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 của tỉnh Điện Biên.*
14. Kiểm toán nhà nước khu vực VII. 2018. *Báo Cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 của tỉnh Lai Châu.*
15. Kiểm toán nhà nước khu vực VII. 2018. *Báo Cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 của tỉnh Lào Cai.*
16. Kiểm toán nhà nước khu vực VII. 2018. *Báo Cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2017 của tỉnh Yên Bái.*
17. Kiểm toán nhà nước khu vực VII. 2019. *Báo Cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2018 của tỉnh Phú Thọ.*
18. Kiểm toán nhà nước khu vực VII. 2019. *Báo Cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2018 của tỉnh Sơn La.*
19. Kiểm toán nhà nước khu vực VII. 2020. *Báo Cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh Lai Châu.*
20. Kiểm toán nhà nước khu vực VII. 2020. *Báo Cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh Yên Bái.*
21. Kiểm toán nhà nước khu vực VII. 2020. *Báo Cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh Phú Thọ.*
22. Kiểm toán nhà nước khu vực VII. 2020. *Báo Cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2019 của tỉnh Lào Cai.*
23. Kiểm toán nhà nước khu vực VII. 2021. *Báo Cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Điện Biên.*
24. Kiểm toán nhà nước khu vực VII. 2021. *Báo Cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Lai Châu.*

25. Kiểm toán nhà nước khu vực VII. 2021. *Ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Lào Cai và chuyên đề hoạt động quản lý môi trường tại các Ban quản lý khu kinh tế và khu công nghiệp giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.*

26. Kiểm toán nhà nước khu vực VII. 2021. *Báo Cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Sơn La.*

27. Kiểm toán nhà nước khu vực VII. 2021. *Báo Cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Yên Bái.*

28. Kiểm toán nhà nước. 2021. *Báo cáo kiểm toán Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tại 18 tỉnh năm 2020.*

29. Kiểm toán nhà nước. 2020. *Báo cáo Tổng hợp kết quả kiểm toán Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020*